



CƯỜI NGỰA XEM HOA

TEXAS

Du ký của NGUYỄN GIỤ HÙNG



Đọc theo xa lộ từ Shreveport đến biên giới Texas, rừng thông (pine) mọc hai bên đường đã dần hiện ra xanh ngắt một màu dưới ánh sáng ban mai, thỉnh thoảng mới có một vài loại cây khác lạc loài xen kẽ vào một cách hiếm hoi. Nhìn thông mãi cũng chán, cứ một điệu *monotone* nhàm chán như thế kéo đến cả trăm dặm nên hai chúng tôi ngồi cạnh nhau cứ phải nói chuyện với nhau liên tục để phòng khi buồn ngủ trong lúc lái xe. Thế rồi, sau hơn hai giờ kể từ lúc khởi hành, chúng tôi cũng tới được biên giới của hai tiểu bang Louisiana và Texas khi trời còn sớm. Càng vào sâu nội địa Texas, những cánh rừng thông bạt ngàn dọc theo xa lộ cũng bớt đi để nhường chỗ cho những vùng đất phẳng hay đồi thấp xanh tươi càng ngày càng được mở rộng ra.

Để khởi đầu câu chuyện về Texas, Triệu cho biết không thể không kể cho tôi nghe về cao nguyên Great Plains.

Vùng cao nguyên Great Plains



Great Plains zone

Nếu muốn biết rõ về Texas ta cần phải nhìn nó trong cùng một *khung cảnh tổng thể*, nghĩa là nhìn nó nằm cùng với cả một vùng đất rộng lớn mang một số tính chất chung giống nhau thuộc cao nguyên gọi là *Great Plains*.

Great Plains được giới hạn bởi một dải đất chạy theo hướng bắc-nam có chiều dài 1600 dặm (khoảng 2600 cây số) từ phía bắc, bắt đầu từ biên giới Canada, chạy xuôi nam tới vịnh Mễ Tây Cơ, và theo hướng đông-tây có chiều ngang là 400 dặm (khoảng 650 cây số), trong đó gồm sáu tiểu bang *North Dakota, South Dakota, Nebraska, Kansas, Oklahoma* và *Texas*. (Có sách địa dư phân định cao nguyên Great Plains rộng lớn hơn nhiều với 800 dặm (khoảng 1300 cây số) chiều ngang và 2000 dặm (khoảng 3200 cây số) chiều dài, gồm thêm nhiều tiểu bang nữa và kể cả một phần đất của *Alberta* thuộc *Canada*).

Nếu chỉ nhìn thoáng qua, ta cảm thấy Great Plains như một dải cao nguyên bằng phẳng được trải dài như mặt bàn hay bãi sa mạc. Nhưng thật ra, độ cao của nó đã được nâng cao dần lên từ phía đông với độ cao 1000 feet (khoảng 300 mét) so với mặt biển, sang phía tây với độ cao 5000 feet (khoảng 1500 mét), càng gần rặng núi *Rocky Mountain* độ cao càng tăng nhanh.

Dải cao nguyên này có những nét đặc thù khác biệt hẳn với những vùng đất khác của Hoa Kỳ: đất tuy màu mỡ nhưng khô, không có nhiều cây xanh hay rừng. Điều kiện khí hậu khắc nghiệt ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế vào thời kỳ những di dân đầu tiên mới đến đây lập nghiệp. Lúa mì và ngô được trồng nhiều ở vùng *phía đông*, chăn nuôi được phát triển mạnh ở vùng *phía tây* vì có những cánh đồng cỏ lý tưởng. Kansas đứng đầu cả nước về trồng lúa mì, North Dakota đứng thứ hai.

Vì Great Plains là vùng đất trống, ít cây và rừng, nên khó có thể bảo vệ được đất đai mỗi khi giông bão hay sự thay đổi thời tiết bất ngờ. Vào mùa đông, có nơi tuyết phủ dày tới 15 hay 20 inches (khoảng 38 hay 50 cm). Vào mùa hè, cũng chính những nơi ấy, mùa màng hay gia súc có thể chết vì nóng cháy. Một số vùng mưa rất ít, nước trở nên vô cùng khan hiếm, đôi khi nước còn quý hơn cả đất đai. Hàng nghìn nông trại, chỉ cần có thêm hay ít đi vài *inch* (1 inch=2.5 cm) nước mưa một năm là có thể làm thay đổi cục diện mùa màng năm đó, hoặc rất thành công hoặc thất bại hoàn toàn. Đây là chưa kể tới những năm hạn hán, không một giọt mưa, đất trở thành *bụi* (dust), để rồi những trận “*bão bụi*” (dust storm) thổi mạnh tàn phá nông trại hay thị xã nhỏ, có khi tưởng chừng như chúng biến mất.

Thành phố Dallas-Fort Worth





Xe chúng tôi tiến dần vào thành phố *Dallas*. Trái với dự đoán ban đầu, Dallas có nhiều cây xanh và những bãi cỏ xanh tươi tốt trải rộng ngút tầm mắt chứ không phải chỉ được xây dựng trên một mảnh đất khô cằn thuộc cao nguyên Great Plains như đã được kể ở trên. Xa lộ, đường phố mở rộng thênh thang, nhiều chỗ có tới 5 hàng xe mỗi chiều. Xe cộ chạy như mắc cửi trên mạng lưới giao thông, chỉ cần lơ đãng một chút là có thể lạc đường. Từ mấy năm nay, nhiều hãng xưởng mới được xây dựng lên, lại thêm những hãng xưởng ở những tiểu bang khác dọn về đây toàn bộ hay một phần, làm kinh tế Dallas trở nên phồn thịnh một cách đột ngột. Nơi đây đang có một nền *kinh tế nở rộ* (booming). Nói theo sự phát triển kinh tế ấy, số nhà cửa được xây dựng lên ào ạt để đáp ứng nhu cầu của những người về đây làm việc. Những khu nhà mới xây mọc lên như nấm. Khác với vùng San Jose tôi ở, đất chật người đông không còn chỗ phát triển. Trong khi đó, Dallas có nhiều đất trống nên ngành địa ốc tha hồ phát triển mạnh. Giá nhà cũng đã tăng cao hơn so với những năm trước đây. Nghe nói, Dallas cũng đã từng chịu ảnh hưởng bởi sự suy thoái kinh tế của thế giới và nước Mỹ trong thập kỷ trước (2008), nhưng không nhiều.

Chúng tôi lái xe vào khu trung tâm thành phố. Những cao ốc chọc trời san sát vươn lên trời cao. Sau khi đi một vòng khu trung tâm thành phố, tôi nhận ra ngay Dallas có nhiều người Việt Nam sinh sống. Nhìn những khu thương mại của người Việt buôn bán sầm uất ta cũng có thể đoán được phần nào sự thành công về mặt kinh tế của “thuyền nhân” ta. Khác với San Jose ở miền Bắc và Los Angeles ở miền Nam California, các khu chợ Việt Nam ở đây thường nằm rải rác chứ không tập trung thành một khu đông đảo. Những mặt hàng hay sinh hoạt thì đâu cũng giống nhau, có khác chăng là cái bề thế của nó. Đó là cái nhìn thoáng qua của một du khách, một người “cưỡi ngựa xem hoa” như tôi. Chúng tôi có dịp tới một khu thương mại Việt Nam nằm hơi xa trung tâm thành phố một tý mang tên Bến Thành

Plaza, khá khàng trang với kiến trúc bên ngoài trông như một ngôi chùa lớn, để ăn trưa dù bữa ăn có hơi sớm hơn so với thường lệ.



Sau bữa ăn trưa, chúng tôi trở lại khu trung tâm thành phố Dallas để đến thăm “*khu di tích lịch sử*” nơi Tổng thống *John F. Kennedy* bị ám sát ngày 22 tháng 11 năm 1963. Tại đây, tôi tưởng như được chứng kiến tận mắt hình ảnh vị Tổng thống Hoa Kỳ này ngồi trên xe mui trần và đang được dân chúng hai bên đường hoan hô nồng nhiệt thì bỗng nhiên ông bị bắn gục ngay trên cánh tay người vợ khi chiếc xe của ông vừa đi vào đúng tầm ngắm của tên sát nhân bắn tia từ cửa sổ của căn *building màu gạch đỏ* đằng kia, cách đó không xa. Từ nơi cửa sổ ấy, một viên đạn oan nghiệt đã chấm dứt cuộc đời một vị Tổng thống can đảm và đầy quyền uy của một siêu cường quốc mà quyền uy ấy có thể khuynh đảo cả thế giới, trong đó có Việt Nam ta, một đất nước gánh chịu ảnh hưởng trực tiếp không nhỏ gây nên bởi viên đạn đó. Tôi chột thờ dài. Một giai đoạn lịch sử trôi qua đã lâu nhưng người dân Dallas vẫn còn cảm thấy có cái gì chưa xốt và đáng xấu hổ vì biến cố đó đã xảy ra ngay trên thành phố họ. Tôi không có cái cảm giác chưa xốt ấy, tôi có nhìn lại đi chẳng nữa thì cũng chỉ coi biến cố này như mọi dòng lịch sử khác đang tiếp tục trôi chảy đến vô cùng.



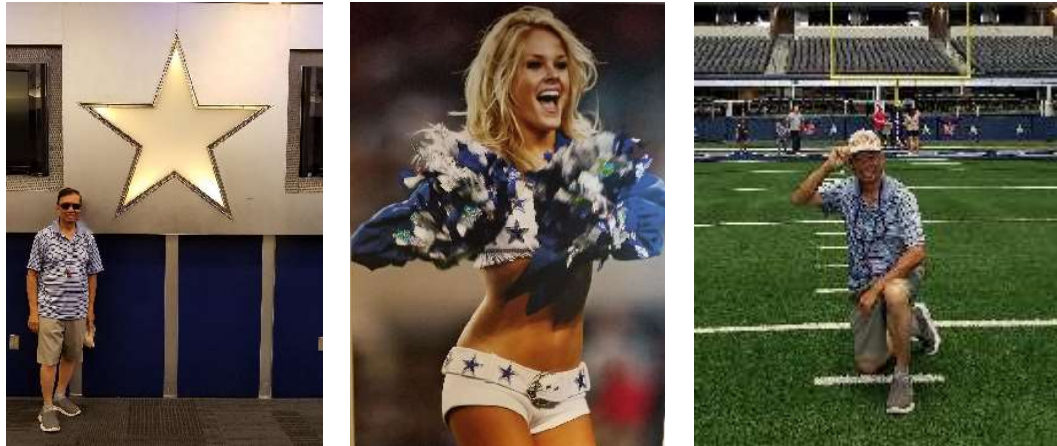
Bò sừng dài



Sau đó, chúng tôi đi bộ đến một *công viên nhỏ* cách “khu di tích lịch sử” không xa. Một đàn bò “sừng dài” độ ba mươi con, với kích thước như thật, bằng đồng, được dựng trên miếng đất trống trong công viên. Tôi chụp vài tấm ảnh với đàn bò rồi tiếp tục đi bộ lang thang thêm vài khu phố buôn bán sang trọng thuộc cùng khu vực.

Chúng tôi lại lên xe, theo chỉ dẫn trên bản đồ, đến “*Bảo tàng viện nghệ thuật*” (The Dallas Museum of Art). Đây là một tòa nhà lớn có kiểu *kiến trúc* tân kỳ chứ không giống như những nhà triển lãm hay bảo tàng viện cổ kính ở Châu Âu. Bên trong nhà triển lãm được trưng bày nhiều tác phẩm hội họa và điêu khắc “hiện đại” (modern art) rất mới, rất sáng tạo, rất lạ lùng, đã đánh mạnh vào cảm xúc một cách hoàn toàn mới lạ cho người thưởng ngoạn. Có khi tưởng như thật đơn giản thôi, nhưng nó vẫn không kém phần sinh động, đó chính là cái hay mà cá nhân tôi cảm nhận được từ những tác phẩm nghệ thuật ở đây. Cái cảm nhận ấy hoàn toàn khác với những cảm nhận tôi có được từ những bảo tàng viện tôi đã có dịp đi thăm ở vài nước bên Á châu, Âu châu, Trung Đông hay Nam Mỹ. Tôi tự hỏi, nghệ thuật của người Mỹ, nói thu hẹp ở đây, qua những tác phẩm này, có phải chẳng là biểu hiện cho một nền nghệ thuật trẻ trung của một dân tộc trẻ trung đầy sức sống và đầy sáng tạo, hay đúng ra, đó là nghệ thuật của một kỷ nguyên *high-tech*? Và cũng phải chăng, nói chung, những tác phẩm nghệ thuật luôn luôn phản ánh những suy tư, nhận thức của thời đại mà chúng đã được tạo ra?

Rời bảo tàng viện, chúng tôi tiếp tục đi thăm vài nơi khác nữa, và đã có dịp thưởng thức món gà rán “*fried chicken*” tại một tiệm chỉ bán một món ăn duy nhất này. Tiệm ăn có từ năm 1898, tất nhiên là rất đông khách dù nhà hàng có tới vài chục bàn mà chúng tôi vẫn phải đứng bên ngoài chờ đến lượt. Một điều lạ, thực khách có thể đem món gà ăn dư về chứ không được mang nước “*sauce*” của họ ra khỏi tiệm. Vào nhà hàng Mỹ, dù thức ăn ngon dở thế nào, cách phục vụ thì không thể chê được.



Nói đến Dallas không thể không nhắc sơ qua một chút tới tên đội banh “bầu dục” (football) “*Dallas Cowboys*” nổi tiếng. Chúng tôi có cơ hội đến thăm sân chơi của đội “Cowboys”, sân đó mang tên “AT&T Stadium”, phải mất 3 năm xây cất, từ 2006 đến 2009. Trong ba năm đó, năm đầu tiên chỉ để đào sâu xuống lòng đất so với mặt đường, đó chính là “lòng chảo” sân chơi và khán đài. Chúng tôi được hướng dẫn viên của Stadium dẫn đi một “tour” thăm thú và phải mất 2 giờ đồng hồ lội bộ mót hết những phần chính. Chiếc TV tại stadium, hiện nay được đánh giá là lớn nhất thế giới. Giá vé “tour” là 30\$ cho một người lớn.

Dallas đã lên đèn. Chúng tôi đến khách sạn *Hyatt*, một khách sạn tọa lạc tại trung tâm thành phố Dallas, khá sang trọng. Ngay gần khách sạn có một tháp (tower) rất cao, mang tên *Reunion Tower*. Trên đỉnh tháp là nhà hàng ăn (restaurant) được bao bọc bởi “lồng hình cầu” gắn đèn màu, ta có thể nhìn thấy nó từ xa vào ban đêm. Nhà hàng quay 360 độ quanh trục thẳng đứng của tháp. Từ nhà hàng quay, ta có thể quan sát được một phần lớn vòng quanh thành phố. Vừa ngồi ăn vừa được nhìn ngắm thành phố rực rỡ ánh đèn tỏa rộng bốn phương phía dưới, thật thú vị làm sao. Tôi nhớ lại, có những lần tôi cũng được hưởng cái thú ngắm nhìn thành phố rực ánh đèn dưới chân từ những tháp tương tự như ở thành phố San Francisco (CA), tháp *Space Needle Tower* ở thành phố Seattle (WA) thuộc Mỹ; tháp *CN Tower* ở thành phố Toronto, tháp *Lookout Tower* ở thành phố Vancouver, cả hai thuộc Canada; tháp *Oriental Pearl Tower* ở thành phố Thượng Hải thuộc Trung Quốc; tháp *Sky Tower* ở thành phố Auckland thuộc New Zealand.



Thiền viện Quang Chiếu

Sáng sớm hôm sau, sau khi ăn điểm tâm ở khách sạn, chúng tôi lại lên xe thẳng tiến về thành phố **Fort Worth** cách trung tâm Dallas khoảng 45 phút lái xe để đến thăm một thiền viện Phật giáo.

“Thiền viện Quang Chiếu” tọa lạc trên một ngọn đồi thấp, do một ni sư thuộc Thiền phái Trúc Lâm xây dựng và trụ trì được trên 20 năm nay. Ta cũng nên nhớ Thiền phái Trúc Lâm được khai sáng bởi vua Trần Nhân Tông. Sau khi đánh tan quân Mông Cổ vào thế kỷ 13, ngài đã từ bỏ ngôi vua rồi lên núi Yên Tử tu hành và lập nên thiền phái này. Thiền viện Quang Chiếu có kiến trúc Đông phương rất uy nghi và thoát tục. Trong khuôn viên có hồ sen, núi non bộ và rất nhiều cây cối trông như một khu rừng nhỏ. Ngoài chính điện ra còn có một số nhà nhỏ dành cho các ni sư ở. Được nghe, vào những ngày lễ Phật đản, Vu lan, Tết Nguyên đán... hay những buổi thuyết pháp đặc biệt, Thiền viện thu hút rất đông đảo người đến tham dự. Chúng tôi đi quanh chùa thưởng ngoạn, hưởng cảnh yên tĩnh, vào chính điện lễ Phật rồi ra xe.

Trên đường hướng về thành phố San Antonio

Vừa rời Thiền viện Quang Chiếu, chúng tôi thẳng tiến về thành phố *San Antonio*. Trên đường, để đánh tan cái không khí buồn tẻ vì cảnh vật bên đường chỉ là những vùng đất phẳng trải rộng, Triều kể cho tôi nghe một vài chi tiết về lịch sử của nhóm người Mỹ di dân đầu tiên đến định cư trên đất Texas.

Texas là tiểu bang có diện tích *lớn thứ nhì* của nước Mỹ, sau Alaska, rộng 267,277 dặm vuông (square miles) (khoảng 692,242 cây số vuông), tương đương với *diện tích của hầu hết các nước Tây Âu* hợp lại. Dân số ngày nay lên tới gần 30 triệu người (năm 2020) đứng hàng thứ nhì của cả nước, sau California (khoảng 40 triệu người).

Ngược dòng lịch sử, vào năm 1820, *Moses Austin*, kỹ sư mỏ, rất thích thú với vùng đất mới Texas dù lúc đó còn thuộc Mễ Tây Cơ (Mexico). Ông đã xin

chính quyền Mễ cho phép 300 gia đình đến định cư ở đây. Một năm sau, *Moses Austin* mất, con trai của ông là *Stephen Fuller Austin* thay cha tiếp tục hoàn tất công việc định cư này. Sự thành công của nhóm di dân đầu tiên đã lôi kéo theo số người định cư mới lên tới 30 nghìn người. Trong khi đó, suốt 300 năm cai trị của Tây Ban Nha (Spain) và sau là Mễ Tây Cơ, số người Mễ định cư ở đây chỉ vón vẹn có 3.000 người. Chính quyền Mễ nhận thấy số người định cư đông đảo này có thể sẽ tạo nên những vấn đề rắc rối về sau nên đã tìm cách giới hạn sự di dân bằng những luật định mới đầy khắt khe và bất công như *truy thu thuế* một số kinh doanh đã không bị đánh thuế từ lâu, người định cư *phải là người Thiên Chúa giáo* và *không được nuôi người nô lệ* ... vậy mà trong khi đó đa số người đến định cư lại từ những vùng miền Nam nước Mỹ nên thường đem theo nô lệ của họ. Những nhóm di dân nhận thấy có nhiều bất công trong luật lệ mới của chính quyền Mễ nên họ phản ứng lại bằng cách cùng nhau đồng lòng tuyên bố mảnh đất họ đang định cư trở thành vùng “*đất tự trị*” nhưng không phải là một quốc gia độc lập mà vẫn nằm trong sự cai trị của chính quyền Mễ Tây Cơ. Chính quyền Mễ đáp lại bằng cách gửi quân đội sang để dễ bề kiểm soát và khống chế đám di dân, và bắt buộc họ phải tuân thủ việc thi hành những luật lệ do chính phủ vừa mới ban ra.

Cuối cùng chiến tranh giữa những người Mỹ định cư ở Texas và chính quyền Mễ đã bùng phát. Trận chiến đầy bi hùng và nổi tiếng trong lịch sử của Texas là trận “*Battle of the Alamo*” diễn ra ở *San Antonio* đã làm 187 dân quân (rebel) Mỹ bị hy sinh, không một người sống sót. Trong số những anh hùng hy sinh trong trận chiến này phải kể đến một người mang tên *Davy Crockett*, người thợ săn nổi tiếng đã từ tiểu bang *Tennessee* đến Texas. Davy đã cùng dân quân chống lại quân đội Mễ một cách quyết liệt.

Tôi thấy bùi ngùi trước câu chuyện kể, vì dẫu sao, nay tôi cũng đã là một công dân trong số những dòng người di dân tiếp tục chảy liên tục vào xứ sở này. Tôi còn nhớ tổng thống Hoa Kỳ *Jimmy Carter* đã tuyên bố với đại ý: xứ sở Hoa Kỳ đã được tạo nên và phát triển bởi “*những người di dân khôn ngoan đầy can đảm*”. Nhóm “*thuyền nhân*”, nói chung là người Việt Nam tị nạn chúng ta định cư tại Mỹ, đã hội đủ những điều kiện của lời phát biểu trên và có quyền hãnh diện về sự đóng góp của mình trong suốt những năm qua vào sự phồn vinh của đất nước chúng ta mới hội nhập.

Tôi đang miên man suy nghĩ về thành quả của người Việt trên đất Mỹ thì Triều ghé vào “*rest area*” để mọi người nghỉ ngơi sau đoạn đường dài tới mấy

tiếng lái xe. Nơi nghỉ ngơi là khu đất cỏ xanh tươi khá rộng, có bóng mát của vài cây cổ thụ và không xa đó là những nhà vệ sinh thoáng sạch. Khu nghỉ ngơi còn có những máy *vending machine* để mọi người có thể mua nước giải khát, kẹo hoặc *chip*. Vài con ngỗng to thấy chúng tôi, vội rề rà lạch bạch tới gần, gật gật cái cổ dài xin ăn.



Thủ phủ Austin



Tòa nhà quốc hội

Sau khi mọi người “nghỉ ngơi” thoải mái xong, chúng tôi lại lên xe tiếp tục cuộc hành trình đi San Antonio. Chẳng bao lâu, chúng tôi đi ngang qua *thủ phủ Austin*. Austin cũng khá to, không những đó là thành phố hành chính, có những trường đại học lớn nổi tiếng, mà còn là thành phố kinh tế đang phát triển không kém gì Dallas. Austin có tòa nhà Quốc hội tiểu bang lớn nhất so với những tiểu bang khác trên toàn quốc. Tòa nhà này được xây bên bờ sông *Colorado River*. Chúng tôi dừng xe chụp vài tấm hình kỷ niệm. Giao thông trong thành phố tuy đông đúc nhưng cũng thưa dần khi xe vừa ra khỏi vùng ngoại ô.

Thành phố San Antonio



Triều ngung nói chuyện với tôi vì càng tiến gần vào trung tâm thành phố, số lượng xe cộ càng tăng dần lên một cách nhanh chóng. San Antonio là một trong những thành phố du lịch nổi tiếng của Texas nên đường sá sạch sẽ, mọi khu phố buôn bán được trưng bày một cách mỹ thuật và ngăn nắp. Người đi bộ rất đông đảo và trật tự, có lẽ phần đông là du khách, càng lúc càng trở nên đông đúc hơn khi tiến gần vào khu “*di tích lịch sử Alamo*” hay những khu thắng cảnh nên thơ chạy dọc theo bờ sông nhỏ nổi tiếng với cái tên *River Walk* gần đây. Chúng tôi tìm chỗ đậu xe, tạt vào nhà hàng Mc Donald ăn lót bụng rồi sau đó tới thẳng khu vực thành Alamo.



Thành Alamo

- *Thành Alamo* tọa lạc trên một khu đất rộng. Đó chính là nhà thờ có kiến trúc Tây Ban Nha (Spanish church) do dân quân Texas năm xưa chiếm giữ làm thành trì. Ngày nay, nó vẫn còn giữ được hình dáng nguyên thủy của ngày mới xây. Du khách xen lẫn với đám người bán hàng lưu niệm trước cửa thành. Kẻ rao người bán ồn ào cả một khu phố, đa số là người gốc Mễ. Du khách chụp hình quay phim vội vã rồi tuân tự xếp hàng bước vào trong thành. Khi chúng tôi vào bên trong, kiến trúc các phòng ốc của nhà thờ vẫn còn giữ nguyên vẹn, có phòng dùng

làm nơi chiếu phim giới thiệu trận đánh, phim dài khoảng 15 phút. Có vài phòng trưng bày hình ảnh cuộc chiến đấu cùng với chân dung của những vị sĩ quan và dân quân trong thành.

Càng đi sâu vào bên trong, lòng nhà thờ càng được mở rộng ra. Băng qua cái sân rộng, tới gian nhà ngang, ở đó là “viện bảo tàng” trưng bày các loại vũ khí được sử dụng trong trận đánh gồm cả vật dụng cá nhân. Có cả dao găm và khẩu súng trường của Davy Crockett được để trong tủ kính trưng bày ở đây. Nhiều thứ đáng xem và đáng ghi nhớ lắm. Tôi bị xúc động khi nghe những lời giảng giải của hướng dẫn viên “bảo tàng” mô tả lại trận đánh một cách tỉ mỉ.

Tôi đứng lặng trong vườn nhà thờ, quan sát mọi cảnh vật chung quanh và cố gắng hình dung lại diễn tiến trận đánh mà tôi vừa được nghe qua. Mỗi nơi, từ chân cột đến góc nhà, từ bức tường nhỏ đến bồn hoa đều hiện lên hình ảnh của dân quân anh hùng đang chiến đấu anh dũng đến giọt máu cuối cùng. Tôi đứng khá lâu chiêm ngưỡng hình ảnh và tưởng nhớ đến những chiến sĩ đã ngã xuống để mang lại sự sinh tồn, phát triển và phồn vinh cho thế hệ đi sau. Bất cứ thời đại nào và bất cứ ở đâu, sự hy sinh của những người yêu nước đều đáng được tôn vinh.

- Nhân vật Davy Crockett



Davy Crockett

Câu chuyện về trận đánh ở thành Alamo, nhân vật Davy Crockett đã trở thành huyền thoại. Davy Crockett có dáng người cao to, thông minh và can đảm. Davy là tay săn bắn nổi tiếng, có suy nghĩ độc lập và thích hành động lẻ loi một mình. Chính vì cá tính mạnh mẽ này, Davy hay tìm nơi sinh sống ở những vùng hoang vu tiến xa về miền Tây hẻo lánh. Nếu số người theo chân ông tới định cư trở nên đông đúc thì ông lại từ bỏ nơi ấy, tiến xa hơn nữa về miền Tây để tìm vùng đất mới. Vào thời đó, người như Davy Crockett không hiếm và chính họ đã góp công vào việc mở mang bờ cõi Hoa Kỳ. Mỗi người hay mỗi nhóm đều có một cách khai

phá riêng biệt của mình tùy theo hoàn cảnh để ngày nay biên giới phía Tây của Hoa Kỳ đã lan tới tận miền Viễn Tây, và dừng lại trên bờ biển Thái Bình Dương.

Davy Crockett sinh ngày 17 tháng 8 năm 1786 ở Tennessee. Tới thời kỳ *chiến tranh 1812-1814* (cuộc chiến giữa người Mỹ và người Anh, người Anh đã tiến quân vào thủ đô Washington D.C đốt phá tòa nhà Quốc hội Capitol Hill, tòa Bạch ốc, và sau đó quân Anh bị tướng Andrew Jackson đánh bại ở New Orleans⁽¹⁾), Davy đã trở thành xạ thủ súng trường nổi tiếng. Ông đóng vai trò người dẫn đường (hướng đạo) cho tướng *Andrew Jackson* (sau này là tổng thống Mỹ) chống lại người da đỏ thuộc bộ lạc *Creek Indians*. Sau chiến tranh Anh-Mỹ, ông và gia đình lại di chuyển về miền Tây lần thứ ba, nơi đất mới nằm ở phía tây *Tennessee*, bên bờ sông *Obion River*, chưa có chính quyền địa phương. Người hàng xóm gần nhất ở cách xa ông 7 dặm (11 cây số) và người hàng xóm kế tiếp cách xa 15 dặm (24 cây số). Cái thích thú nhất đối với Davy Crockett là ở nơi đây có rất nhiều thú hoang sống trong rừng. Những người chuyên chở hàng hóa trên sông *Mississippi* thường hay ghé thăm vì họ coi ông là một người săn gấu nổi tiếng thời bấy giờ. Những câu chuyện được thêu dệt và vang xa đến nỗi mỗi khi ở bất cứ nơi đâu, nếu nơi đó chính quyền địa phương được thành lập thì dân chúng bầu ngay ông vào làm đại diện cho họ. Sau cùng ông vào *Quốc hội liên bang ở Washington* để đại diện cho vùng tây Tennessee. Bản chất không phải là chính trị gia, nhưng ông lại rất thích thú với công việc được dân giao cho. Tuy nhiên, người ta vẫn chỉ thường nói đến Davy Crockett như một người săn gấu tài ba hơn là một nhà chính trị.

Đến năm 1834, Davy Crockett ra ứng cử vào Quốc hội liên bang lần thứ hai nhưng bị thất bại. Sự thất bại này đã khiến ông chán nản vì tự cho mình đã làm quá nhiều việc trong vai trò dân biểu trước đó. Dân Tennessee không tín nhiệm nữa thì lại bỏ đi, và với ý tưởng đó, ông đã rời Tennessee để tới Texas dù biết nơi đây có thể sẽ xảy ra chiến tranh với người Mễ Tây Cơ. Trong chuyến đi Texas, ông được dân chúng đón tiếp một cách nồng nhiệt tại những thành phố mà ông đã đi qua trên chặng đường di chuyển. Khi tới San Antonio, ông định cư ở phần đất phía nam thành phố, và liền thiết lập ngay một đội ngũ gồm *những người dẫn đường* (scout) với mục đích khám phá sâu thêm vào những vùng đất mới.

Tình hình San Antonio lúc này đã thay đổi nhanh chóng. Hai nghìn (2000) quân tiền phương của Mễ Tây Cơ đang tiến về San Antonio dưới sự điều quân của tướng *Antonio López de Santa Ana*. Khi Davy Crockett cùng anh em đồng đội đang

đi thám hiểm thì phát giác ra sự di chuyển của quân đội Mễ chỉ còn cách San Antonio có 20 dặm. Davy cùng đồng đội vội chạy ngược về để báo tin khẩn cấp. Những dân quân Texas đóng tại nhà thờ cổ *Alamo* của người Tây Ban Nha để lại, đã được dùng làm pháo thủ gồm 150 người. Số người tự nguyện tham gia trong ngày hôm sau và sau đó, quân số đã tăng lên được 187 người. Trong khi chờ đợi sự tấn công của quân đội Mễ, một cuộc họp được diễn ra để hỏi ý kiến toàn thể mọi người nên rút lui hay chiến đấu. Kết quả là mọi người đồng tâm quyết chiến đấu đến cùng, không ai muốn thoát thân dù lúc này vẫn còn cơ hội. *Đây là trận chiến đầu tiên của người Texas chống lại chính quyền Mễ Tây Cơ*. Dân quân trong thành Alamo hy vọng nếu chiến đấu cầm chân quân Mễ được ít ngày thì hy vọng sẽ có quân tiếp viện.

- *Trận chiến tại Thành Alamo* như đang diễn ra trước mắt tôi theo từng lời kể của “hướng dẫn viên” trước đó và với những “tài liệu lịch sử” được cung cấp ở đây.



Trận chiến Alamo

Ngày 24 tháng 2 năm 1836, một tối hậu thư với lời lẽ thật lịch sự được gửi cho *Travis*, vị chỉ huy trưởng thành Alamo, đại ý nói nếu quân trong thành không chịu đầu hàng thì sẽ bị pháo binh Mễ làm nổ tan thành ra từng mảnh nhỏ. Câu trả lời vắn tắt của *Travis* là "*không đầu hàng*". Lập tức pháo binh của quân đội Mễ được nã vào tới tấp. Nhờ bức tường dày, nhờ những tay súng sẵn thiện xạ, nhờ lòng dũng cảm, dân quân trong thành đã đẩy lui được nhiều đợt tấn công của quân địch và làm cho địch quân buộc phải rút lui lại phía sau. Cuộc tấn công vũ bão khởi đầu của quân Mễ được coi là thất bại. Không may, *Travis* bị bệnh, phụ tá của ông là *Jim Bowie* lên thay thế, sau đó cũng bị bệnh, *Davy Crockett* được đề nghị lên thay để chỉ huy trận đánh. *Davy Crockett* đã từ chối đề nghị này và nói "*Điều đó thật không cần thiết, mọi người đang chiến đấu một cách kiên cường, tôi sẽ di chuyển tới những chỗ cần thiết để tiếp sức với anh em*".

Cầm cự được tới ngày thứ mười thì tình hình trong thành trở nên bi đát. Dân quân bị mất ngủ vì quân Mễ tấn công gần như liên tục. Ở trong thành, đạn dược đã cạn, nhiều người chết và bị thương, lời kêu gọi cầu cứu đã được gửi đi khắp nơi nhưng không có hồi âm. Ở ngoài thành, tướng *Santa Ana* chuẩn bị cho một cuộc tấn công dứt điểm. Cơ hội thoát thân vẫn còn, nhưng mọi chiến binh đều từ chối khi được hỏi, không một ai muốn rời bỏ cuộc chiến đấu này.

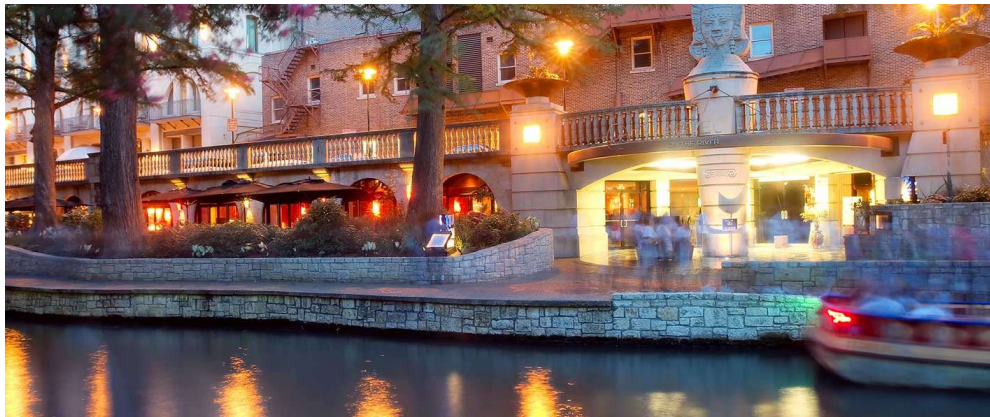
Buổi xế trưa ngày *mùng 5 tháng 3*, trận chiến chậm lại và dứt hẳn. Nhưng tới đêm hôm đó, những chiến binh trong thành nghe thấy đối phương bên ngoài đang chuẩn bị cho cuộc tấn công quy mô đã sẵn sàng. Rồi lệnh tấn công thét vang, từng đoàn quân, ngựa, súng *canon* lao tới trước cửa thành. Hàng loạt súng lớn nhỏ khai hỏa, toán quân tấn công dưới sự yểm trợ bởi hàng loạt đạn bắn liên tục vào thành. Hàng chục chiếc thang được đem tới, và hàng trăm quân Mễ leo lên cố vượt qua những bức tường cao để xâm nhập vào thành. Tóp này bị bắn ngã xuống, tóp khác lại tức khắc leo lên. Tiếng reo hò tấn công, tiếng ngựa hí, tiếng súng nổ vang trời đang uy hiếp tinh thần chiến đấu của chiến binh trong thành, nhưng họ đã không nao núng, quyết chiến đấu tới cùng, không một ai bỏ chạy. Cửa thành chính đã bị phá thủng. Quân Mễ tràn vào như thác đổ, đồng thời quân địch cũng đã vượt qua được những bức tường thành. Các chiến binh bị đẩy lui dần vào phía trong nhà thờ. Trong hoàn cảnh này, súng ống đã trở nên vô dụng, các dân quân phải đánh cận chiến với quân thù bằng lưỡi lê, kiếm hay dao găm.

Từng chiến binh ngã xuống và bị dồn dần vào phía sân sau nhà thờ. Davy Crockett đã chiến đấu can trường trong tuyệt vọng và sau cùng ông cũng phải ngã quy cùng với đồng đội của ông. Ông chết đi, cuộc tấn công cũng chấm dứt. Cái chết của ông và những dân quân giữ thành Alamo được nhân dân Texas tôn vinh như những anh hùng trong lịch sử Hoa Kỳ. *Cuộc chiến đấu kéo dài đúng 13 ngày đêm.*

Ngày hôm sau, quân Mễ cho hòa thiêu những chiến binh Texas tử trận ở đây. Có một điều, nếu quân đội Mễ chậm tấn công khoảng 12 ngày thì tình hình trận chiến ở thành Alamo có thể đã thay đổi hẳn vì lúc đó “Chính quyền lâm thời” của Texas vừa được thành lập để đối phó với tình thế mới. Và cũng có thể đã cho phép chính phủ có đủ thời gian thành lập ngay một lực lượng quân đội để chống lại với quân Mễ tại Alamo. Vài tháng sau, chính lực lượng quân đội của Texas mới thiết lập này do tướng *Sam Houston* cầm đầu đã đánh bại quân đội Mễ và chính tướng *Santa Ana* đã bị bắt cầm tù.

Tôi rời khỏi thành Alamo với tâm trạng buồn ngủ thương xót cho những người đã trải thân mình cho sự tồn vong của mảnh đất Texas mà nhiều người di dân ban đầu đã từng bỏ công khai phá và xây dựng nên nó. Đó là sự hy sinh cao cả mà toàn dân Hoa Kỳ ngày nay không thể quên. Tôi cũng thấy buồn ngủ cho những quân nhân Mỹ Tây Cơ đã nằm xuống để bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ của quê hương mình.

- *River Walk*



Chúng tôi đi bộ tới khu *River Walk*, nơi đây có khúc sông nằm sâu xuống dưới lòng đất so với mặt đường thành phố. Khu này được chính quyền thành phố San Antonio khai thác như một thắng cảnh du lịch. Con sông nhỏ thôi, với chiều ngang của nó có chỗ chỉ đủ cho hai chiếc thuyền “tam bản” nhỏ chờ chừng mười du khách chạy ngược chiều nhau. Dòng nước chảy thật êm đềm nên ta có thể coi nó như một con suối hơn là một dòng sông. Hai bên bờ sông là các quán cà phê, cửa hàng bán đồ lưu niệm, nhà hàng ăn và khách sạn nhỏ. Khung cảnh nơi đây thật

nên thơ và tình tứ. Ta có thể *tản bộ bên bờ sông* (như với cái tên River Walk) một đoạn dài khoảng đôi ba dặm dưới tàn cây rợp bóng mát của hàng cây cổ thụ. Ta cũng có thể ngồi nhâm nhi tách cà phê bên vỉa hè, hay ven bờ sông như ta thường thấy ở Châu Âu để nhìn người qua lại; thả hồn mình theo tiếng mái chèo khua nước của vài chiếc thuyền "tam bản" xen lẫn trong tiếng nhạc êm dịu từ nhà hàng vọng ra; ngắm nhìn bóng tàn cây to vươn ra sông soi bóng lung linh trên mặt nước dưới ánh nắng xuyên cành. Bắc ngang qua sông là vài chiếc cầu gạch được xây theo kiến trúc cổ. Du khách có thể đứng trên cầu soi bóng mình trên mặt nước trong đang êm đềm chảy phía dưới.

Chúng tôi đi bộ không biết mệt trên con đường lát gạch chạy dọc theo sát bên bờ sông. Có một vài khu nhà nhỏ xen kẽ vào khu buôn bán được xây theo kiến trúc nhà để ở thật xinh xắn và trang trí bên ngoài cũng mỹ thuật là bao. Tôi lần lần tự hỏi những ngôi nhà ấy được xây lên, thật sự để ở hay chỉ để làm đẹp, làm “duyên” với du khách, hay chỉ để mang sắc thái đa dạng cho khu du lịch này. Chúng tôi chụp vài tấm ảnh kỷ niệm tại một vườn hoa con con xinh xắn nên thơ.

Tôi tưởng tượng, vào những buổi chiều tối, ánh đèn điện vàng hai bên bờ sông hắt xuống mặt nước sẽ làm cho dòng sông trở nên thơ mộng và huyền ảo làm sao; hay vào những hôm trời mưa nhẹ, dòng sông như được phủ lớp sương mờ, và tưởng như đâu đó vang vọng vài làn điệu dân ca “câu hò mái đậy” sẽ làm tôi thương nhớ quê hương mình biết chừng nào.

- *Thưởng thức những món ăn của người Mễ*



Khu nhà hàng ăn Mễ tại Historic Market Square

Chúng tôi rời khu River Walk trong niềm vui để đến khu ăn uống “người Mễ”. Sinh hoạt ở đây thật ồn ào náo nhiệt. Tiếng nhạc Mễ vui nhộn, sinh động ủa đến từ khắp nơi, khắp ngõ làm chân tôi cũng như muốn nhún nhảy theo trên từng bước đi. Có dãy nhà hàng hai tầng lầu, kiến trúc theo kiểu Pháp với trang trí giống

hệt như ở khu *French Quarter* thuộc thành phố *New Orleans* (Louisiana) làm tôi ngạc nhiên.

Chúng tôi chưa biết chọn nhà hàng nào, bỗng Triều bám vào tay tôi ra dấu, đồng thời kéo tôi về phía có hai cô chiêu đãi viên người Mỹ xinh xắn, mặc y phục cổ truyền sặc sỡ đang thập thò ngoài cửa mời chào. Tôi theo chân Triều ngay. Nhà tôi và cô em theo phía sau cùng nói “*Biết ngay mà!*”. Bên trong nhà hàng được trang trí đầy màu sắc rực rỡ, thực khách khá đông và tất nhiên là rất ồn ào theo đúng truyền thống Mỹ. Triều biết nói bập bẹ ít tiếng Mỹ nên được cả hai “nàng” chiếu cố một cách đặc biệt, còn tôi ra rìa. Chúng tôi chụp hình lưu niệm với hai cô. Hai “ả” sung sướng ra mặt, khúc khích cười tít cả mắt nhưng không quên thỉnh thoảng liếc nhìn ông chủ lấy điểm. Tới khi tôi đứng lên trả tiền và cho tiền “tip”, hai cô mới dành cho tôi sự “ân sủng”, ân cần vớt vát, muộn màng.

Sau khi ăn uống no say, chúng tôi vội lên xe đi *Houston* cho kịp vì vợ chồng cô em thứ năm nhà tôi, sinh sống ở Houston từ lâu, đang nóng lòng chờ đón chúng tôi. Trên đường đi Houston, hai bà ngồi ghé sau đã thiu thiu ngủ, chỉ còn tôi và Triều. Hai anh em tiếp tục nói chuyện với nhau.

- *Câu chuyện liên quan tới San Antonio*

Triều cho tôi biết San Antonio còn đáng thêm một chút ít với lịch sử Hoa Kỳ trong thời kỳ chiến tranh giữa người Mỹ và Tây Ban Nha vào năm 1898 trên đất *Cuba*. Mỹ giúp Cuba giành lại độc lập từ tay người Tây Ban Nha. Cuộc chiến tranh giải phóng của Cuba thành công, trong đó có sự đóng góp của quân đội Mỹ và cũng nhờ một phần vào đội quân *Rough Riders* không giống ai do *Theodore Roosevelt* chiêu binh, gồm tập hợp toàn thành phần “hỗn tạp” mà đa số là những anh chàng *cowboys* Texas. Đội quân *Rough Riders* chưa bao giờ là chiến binh thật sự và cũng chưa bao giờ có thói quen sống chung với người khác. *Theodore Roosevelt* đã huấn luyện đoàn quân này ở San Antonio, sau đó được gửi sang Cuba chiến đấu bên cạnh quân đội Mỹ. Trong chiến đấu, họ tỏ ra can trường nhưng hỗn tạp đã mang đến nhiều câu chuyện nực cười trong chiến trận. Họ đã tham gia vào trận đánh quyết định và lừng danh trên ngọn đồi *San Juan Hill* gần thành phố *Santiago* của Cuba. Sự đóng góp của đoàn quân do *Theodore Roosevelt* thành lập đã đưa tên tuổi ông lên và đã đóng góp vào việc ông trở thành *tổng thống Hoa Kỳ* sau này. Câu chuyện Triều kể còn dài, nhưng tôi chỉ lưu ý vào một điểm là đoàn

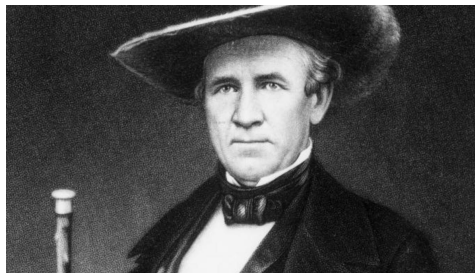
quân Rough Riders kỳ lạ vì tính chất hỗn tạp của nó đã được huấn luyện ở thành phố San Antonio, nơi có biến cố lịch sử “thành Alamo” nổi tiếng.

(Mời đọc tiếp **BÀI ĐỌC THÊM THỨ 1** - trang 37 về đội quân *Rough Riders* trong trận chiến *San Juan Hill*)

Vài dòng lịch sử về Tiểu bang TEXAS

Tôi nhắc Triều kể cho nghe tiếp câu chuyện sau khi quân đội Mẽ hạ được thành Alamo một cách oanh liệt, *Houston* đã làm thế nào để chiến thắng đội quân này và cầm tù được tướng *Santa Ana* mà hôm qua Triều đã tạm ngừng ở đó. Triều mỉm cười cho biết sẽ kể cho tôi nghe về riêng cá nhân *Houston* trước khi trả lời câu hỏi của tôi. Hiểu biết về *Sam Houston* thật là điều cần thiết nếu ta muốn biết tường tận trận chiến lý thú đó và lịch sử hình thành của tiểu bang Texas.

- *Sam Houston*



Sam Houston có một cá tính đặc biệt và một đời sống khác thường. Ông sinh đẻ ở *Virginia* nhưng theo gia đình di chuyển về tiểu bang *Tennessee* lúc còn là một cậu bé con. Ông không thích đến trường nhưng lại thích đọc sách nên có kiến thức rất rộng. Khi đủ tuổi trưởng thành ông gia nhập quân đội, trở thành sĩ quan theo đoàn quân của tướng *Andrew Jackson* đánh dẹp quân da đỏ *Creek Indians*.

Houston giải ngũ, hành nghề luật sư ở *Tennessee*, bắt đầu tham gia chính trường năm 30 tuổi và đắc cử *dân biểu liên bang* đại diện cho tiểu bang *Tennessee* trong quốc hội ở *Washington D.C.* và sau đó làm *thống đốc* tiểu bang *Tennessee*. Ông có diện mạo cao khỏe, đặc biệt có nhiều điểm giống người bạn thân tức tổng thống *Andrew Jackson* rất năng động, có tài lời cuốn quần chúng. Người ta tin rằng ông có thể trở thành tổng thống tương lai của Hoa Kỳ.

Trước khi nhiệm kỳ *thống đốc* chấm dứt, đột nhiên *Houston* từ nhiệm không một lời giải thích, nhưng người ta tin rằng nguyên nhân là do sự cãi vã trong gia

đình. Rồi Tennessee để đến *Arkansas* sống với bộ lạc da đỏ *Cherokee Indians* liên tục vài năm trong vai trò cố vấn, vì khi còn trẻ ông đã từng là bạn và là thành viên của bộ lạc này. Với ý phục của người da đỏ, vài lần ông đã từng đến Washington với tư cách đại diện chính thức cho bộ lạc Cherokee.

Năm 1833, Sam Houston đến Texas để thương lượng về một số vấn đề của người da đỏ. Ông tỏ ra rất thích thú về vùng đất mới này và đã quyết định định cư ở đây, để rồi bắt đầu vận động cho một *Texas tự trị* vì lúc này Texas còn thuộc Mễ Tây Cơ. Đó cũng là nguyện vọng chung của toàn thể di dân đã đến đây sinh sống, nhưng chính quyền Mễ Tây Cơ từ chối mọi đề nghị của dân Texas.

Mời nghe bản nhạc

APACHE

<https://www.youtube.com/watch?v=paYGYTvsoAg>

(Guitar instrumental)

- *Chiến tranh với người Mễ Tây Cơ*



Antonio López de Santa Ana

Ta cũng nên biết, vào năm 1835, sau một năm giành được độc lập từ tay người Tây Ban Nha, tướng *Antonio López de Santa Ana* tự nhận mình là “*Napoleon của miền Tây*” đã trở thành tổng thống của Mễ Tây Cơ. Santa Ana mang vài ngàn quân đi chinh phạt dân Texas. Cuộc tấn công đầu tiên diễn ra tại thành Alamo và 187 dân quân Texas đã bỏ mình trong trận chiến này, không một người sống sót (như đã nói ở trên).

- *Chuẩn bị cuộc chiến tranh tiếp theo.*

Ảnh hưởng của trận đánh tại thành Alamo rất lớn. Chính quyền Texas vừa được thành lập sau cuộc họp ở thành phố *Washington-on-the-Brazo* ở vùng đông nam Texas. Dân số ở đây chỉ vồn vẹn có từ 25 tới 30 người sinh sống và do đó chính quyền mới không giải quyết được gì cho thành Alamo. *Chính quyền mới tuyên bố độc lập*. Houston được giao trách nhiệm thống lĩnh quân đội (commander). Thật là buồn cười khi Houston nhận lãnh trách nhiệm này vì quân đội trong tay ông chỉ có năm ba người, trong đó có người bạn của ông được phong làm trung úy. Nhóm người này di chuyển ngay đến *Gonzalez* vì ở đây có 375 dân tình nguyện xin gia nhập quân đội đang chờ đợi ông ở bên bờ sông *Guadalupe River*. Họ chỉ là thường dân chưa được huấn luyện và chưa có kiến thức gì về quân sự. Ông đã đích thân huấn luyện gấp rút ngày đêm và tổ chức thành đội ngũ. Ông biết tướng Santa Ana thế nào cũng tới truy kích ông nên ông vừa huấn luyện vừa rút lui dần lên phía bắc. Và tướng Santa Ana cũng tiên đoán là Houston sẽ lui về phía bắc để được sự bảo vệ tại biên giới Hoa Kỳ. Ông cũng tin rằng, ông sẽ tiêu diệt được Houston và đem lại sự vẹn toàn lãnh thổ cho Mễ Tây Cơ.

Sự rút lui liên tục của Houston đã làm binh sĩ và sĩ quan dưới quyền thất vọng. Họ đã tranh cãi với ông và muốn dừng quân lại để quyết một trận sống mái với quân thù, ít ra cũng gây được sự tin tưởng cho người dân Texas. Ông đã không nghe và nhất quyết tiến hành theo kế hoạch của mình.

Quân đội của Houston ngày càng đông thêm, một số người cũ bỏ đi thì một số mới được thay vào. Quân số nay đã tăng lên được 783 người. Súng ống và đạn dược đã được tiếp viện khá đầy đủ. Hai khẩu súng *canon* loại "6 pounds" (sức nặng của viên đạn) đã được nhân dân thành phố *Cincinnati* của tiểu bang *Ohio* tặng. Ông tiếp tục huấn luyện binh sĩ không ngừng nghỉ. Nhiều sĩ quan dưới quyền than phiền là sự huấn luyện như thế là không cần thiết. Nhưng Houston biết rằng nếu binh sĩ của ông không được huấn luyện kỹ càng và chịu đựng gian khổ để có thể chiến đấu giỏi thì sẽ bị thua trận ngay vì lực lượng đôi bên quá chênh lệch, mặc dù Santa Ana đã phạm lỗi làm chủ quan, đã chia đoàn quân tinh nhuệ mấy ngàn người của mình ra làm 4 toán, mỗi toán đi một phía khác nhau. Lực lượng do Santa Ana chỉ huy nay còn 1600 người nhưng cũng đã nhiều gấp đôi so với con số chỉ có gần 800 người của Houston. Khi đối diện với một lực lượng chính quy đông đảo như thế của địch quân, chiến binh của ông phải biết tuân lệnh, phải biết chiến đấu tới người cuối cùng nếu cần.

- Trận chiến **San Jacinto** bắt đầu.



Ngày 15 tháng 4 năm 1836, từ phía đông của sông *Brazos River*, bắt chọt Houston quay ngược về phía nam. Việc rút lui liên tục đã chấm dứt. Mọi người vui mừng vì đoàn quân nay đã đổi hướng và đang tiến về hướng trực diện với quân đội Santa Ana. Lúc này, vị trí đóng quân của Santa Ana, phía nam là vịnh *Galveston Bay*, phía đông là sông *San Jacinto River*, phía bắc là *Buffalo Bayou* hướng mà quân đội Houston đang băng qua và tiến tới. Santa Ana đã rơi vào cái bẫy do chính ông ta tự chọn. Nếu ông ta muốn lui binh, chỉ còn một con đường duy nhất là dùng phà băng qua sông San Jacinto River, mà điều đó thật nguy hiểm hay có thể nói là không thể thực hiện được.

Sau khi vượt qua Buffalo Bayou, Houston triệu tập binh sĩ để ra huấn lệnh và trình bày kế hoạch tấn công. Ông hỏi có ai muốn rời khỏi trận đánh này không vì ông cho phép họ được chọn lựa trước khi lâm trận, nhưng mọi người đều quyết tâm ở lại chiến đấu. Binh sĩ ông cùng ông hô to “*Hãy nhớ tới Alamo*”, “*Chiến thắng hay là chết*”, “*Không rút lui, không đầu hàng*.”

Ngày ngày hôm sau, hai bên cùng dàn trận trên cánh đồng lớn phía bắc *Galveston*, không xa nơi đóng quân của mỗi bên. Santa Ana chỉ gửi một toán quân nhỏ ra trận để thăm dò lực lượng của Houston. Houston dùng súng ca-nông pháo kích vào toán quân này. Toán quân Mễ rút lui, quân lính của Houston muốn đuổi theo nhưng Houston không cho phép, rút về trại. Suốt ngày hôm đó không có gì xảy ra, tới đêm, mọi người không ngủ yên vì tin rằng trận đánh sẽ diễn ra trong đêm. Một đêm yên tĩnh trải qua, cũng không có chuyển biến gì. Sáng ngày hôm sau, Houston, khác với thường ngày, ông dậy trễ, yên lặng và bình thản. Ông dùng điểm tâm với một miếng bánh ngô khô, và suốt sáng hôm đó ngồi nghiên cứu bản

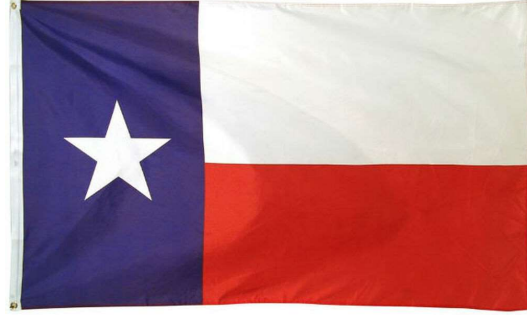
đồ hành quân. Theo kế hoạch, ông sẽ ra lệnh tấn công vào buổi xế trưa vì vào giờ đó quân đội Mễ thường ngủ trưa.

Vào 3 giờ rưỡi trưa, ông ra lệnh tấn công. Đoàn quân tiến gần đến mục tiêu, hai khẩu súng ca-nông khai hỏa vào phòng tuyến địch, quân Mễ bắn trả bằng súng trường một cách mạnh mẽ. Quân của Houston được lệnh không bắn trả, từ từ tiến quân cho tới khi có thể nhắm bắn quân địch chính xác từng phát một. Houston cười ngửa trắng đi đầu. Khi tới gần tầm bắn, Houston ra lệnh khai hỏa. Binh sĩ của ông vừa bắn vừa chạy nhào tới quân địch để đánh cận chiến vừa hét to “*Hãy nhớ tới Alamo! Hãy nhớ tới Alamo!*” Câu hét này đã đi vào lịch sử. Quân Mễ không kịp trở tay và không quen đánh cận chiến nên cánh quân tiền vệ đã phải tháo lui, tiền tuyến bị chọc thủng. Với lưỡi lê, dao găm, súng lục, quân đội của Houston tả xung hữu đột dồn quân Mễ đến chỗ tan rã, vứt súng ống và chạy tứ tán trên cánh đồng trống. Người chết, kẻ bị thương hay đầu hàng rất nhiều.

Nói về Santa Ana, ông ta đang ngủ trưa khi trận chiến bắt đầu. Với cặp mắt chưa tỉnh ngủ hẳn, ông chỉ kịp mặc vội chiếc áo với cầu vai màu đỏ, chạy vội ra khỏi lều bạt (tent). Mọi người chạy tán loạn, ông không còn chỉ huy được ai nữa và ông vừa chột trông thấy viên tướng giỏi nhất của ông là *Almont* đã bại trận, đội quân của ông ta bị đánh tan rã hoàn toàn. Santa Ana chỉ còn biết nhảy lên con ngựa đen, cao lớn, phóng chạy thoát thân khỏi chiến trường càng sớm càng tốt.

Toàn bộ toán quân do tướng Santa Ana nay hoàn toàn bị đánh bại. Những quân lính còn sống chạy tán loạn trên cánh đồng, nhiều người bị giết và nhiều người khác bị bắt làm tù binh. Sáng hôm sau, cách đây vài dặm, một người bé nhỏ, mặc chiếc áo nhà binh có cầu vai đỏ đang ngồi buồn bã bên dòng suối. Người đó chính là tướng Santa Ana. Ông ta đã bị bắt và được dẫn độ tới trước mặt Houston. Tất cả tù binh Mễ khi thấy viên tướng chỉ huy của mình thì đồng thanh hô to lên “*Tổng thống muôn năm! Tổng thống muôn năm!*”. Đúng vậy, Santa Ana là Tổng thống Mễ Tây Cơ và cũng kiêm nhiệm chức vụ thống lĩnh quân đội. Sau đó Santa Ana và toàn thể tù binh Mễ được thả ra với điều kiện được thỏa thuận trước tiên là tất cả phải trở về Mễ.

- *Texas trở thành Tiểu bang của Hoa Kỳ*



Cờ tiểu bang Texas

Trận chiến San Jacinto đã chiến thắng hoàn toàn và một nước **Cộng hòa Texas** độc lập đã được thiết lập. Sự độc lập của Texas kéo dài từ 1836 tới 1845 và *Houston* trở thành Tổng thống đầu tiên của nước Texas và *Stephen Austin* làm Bộ trưởng Ngoại giao.

Sau đó, Texas trở thành **tiểu bang thứ 28** của nước Mỹ. Houston được bầu vào chức vụ Thượng nghị sĩ của Texas trong *Quốc hội liên bang* tại Washington trong vòng 13 năm. Houston đã phục vụ đất nước trong suốt 50 năm. Ngày nay người Texas vinh danh ông như một anh hùng vĩ đại và là cha đẻ của nước Cộng hòa Texas độc lập.

Sự xin gia nhập của nước Cộng hòa Texas để trở thành một tiểu bang của Hoa Kỳ cũng không phải là chuyện đơn giản. Trở lại năm 1836, dân Texas chưa dứt khoát được sự lựa chọn đường hướng chính trị và ngoại giao của mình. Quốc hội Texas chia làm hai phe, một phe muốn Texas trở thành một nước độc lập nhưng liên minh với Hoa Kỳ thay vì Âu Châu; một phe trong đó có Houston muốn trở thành tiểu bang của Hoa Kỳ, vì như vậy Texas có thể buôn bán với những tiểu bang khác, mà lại được Hoa Kỳ bảo vệ. Cuối cùng Quốc hội Texas đồng thuận muốn Texas trở thành tiểu bang của Hoa Kỳ. Nhưng Quốc hội Hoa Kỳ đã phải tranh cãi nhiều năm mà vẫn chưa ngã ngũ ra sao. Hoa Kỳ chưa muốn nhận Texas làm tiểu bang của mình vì ngại rằng nguy cơ chiến tranh với Mễ Tây Cơ sẽ xảy ra và Texas hiện đang theo đuổi chính sách dùng nô lệ. Houston dọa sẽ liên minh với Âu châu thay vì Hoa Kỳ. Lời dọa này khiến Quốc hội Hoa Kỳ phải đi đến quyết định chấp nhận Texas trở thành tiểu bang của mình với điều kiện Texas phải tự thanh toán hết những món nợ đang có, nhưng ngược lại đất đai của Texas phải thuộc về người Texas chứ không thuộc về Hoa Kỳ. Người dân Texas đã sửa đổi hiến pháp của mình vào ngày 4 tháng 7 năm 1845 và Quốc hội Texas đã biểu quyết

để trở thành tiểu bang của Hoa Kỳ. Và Hoa Kỳ ký quyết định *Texas trở thành tiểu bang của Hoa Kỳ ngày 29 tháng 12 năm 1845.*

Tôi lắng nghe Triều kể. Tôi thấy Triều như có lúc sôi động hẳn lên nhất là khi tả lại trận chiến ác liệt giữa Houston và Santa Ana. Tôi cũng bị kích thích theo lời kể nên đã không ngủ gà ngủ gật như hai bà ngồi phía sau. Tôi cũng thầm cảm ơn Triều đã lái xe về đến thành phố Houston một cách an toàn.

Khi tới Houston, vợ chồng cô em thứ năm của nhà tôi đã chờ sẵn với mâm cơm thịnh soạn. Sau khi ăn uống, nói dăm ba câu chuyện thăm hỏi, chúng tôi đi ngủ sớm để còn đủ sức cho cuộc hành trình ngày mai đi Galveston.

Thành phố Galveston



Trải qua một đêm tại Houston. Sáng hôm sau, khi tôi vừa tỉnh dậy, mọi việc đã chuẩn bị xong chỉ cần dứt bữa ăn sáng là chúng tôi có thể lên đường đi thăm thành phố *Galveston* ngay. Lái xe từ Houston đến Galveston không xa, chỉ khoảng hơn một tiếng đồng hồ.

Galveston là một địa danh nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam ở Texas vì ở đây có một đội ngũ đồng đảo "thuyền nhân" ta đến lập nghiệp bằng *nghề đánh cá* từ những năm khởi đầu có cuộc định cư của người Việt trên đất Mỹ. Sự hội nhập và thành công của người Việt ở Galveston đã lôi kéo "ông bà bảo trợ" (sponsor) cho gia đình tôi từ trại tị nạn *Kuku* ở Nam Dương vào Mỹ. Có điều buồn cười là sự thành công của cộng đồng người Việt Nam ở Galveston lại không phải là sự thành công của ông bà bảo trợ người Mỹ của chúng tôi. Ông đã từng là *manager* của hãng điện thoại *Pacific Bell* ở Shreveport, Louisiana; và cũng đã từng đứng ra bảo trợ cho trên mười gia đình Việt Nam từ trại tị nạn trong vùng *Missouri* lạnh lẽo về Shreveport vào mùa đông năm 1975; và cũng đã từng đưa họ vào làm việc trong hãng với ông. Mọi người Việt Nam ở đây vẫn nhớ ơn ông bà cho tới ngày nay và

chúng tôi vẫn về thăm khi có dịp. Trong thời gian đó, có vài ba gia đình Việt Nam, đã bỏ việc ở Pacific Bell để di chuyển về Galveston làm nghề đánh cá. Sự thành công của các gia đình này đã làm ông bà bảo trợ của chúng tôi quyết định về hưu sớm trước vài năm, đồng thời bán nhà, sắm tàu bè, theo chân người Việt Nam đi Galveston đánh cá. Sau vài năm làm ăn thất bại, ông bà bán tàu, quay trở lại Shreveport mua một cái “trailer” (một loại “mobile home” nhỏ) rẻ tiền để ở. Có một hình ảnh thật trái ngược và trớ trêu là trước đó, hai ông bà bảo trợ ở nhà (house), còn đám tị nạn người Việt đều ở “trailer”. Sau khi đi “lập nghiệp” ở Galveston trở về lại Shreveport thì mọi người Việt đã đều ở nhà, còn ông bà lại ở “trailer”. Tôi thấy ông bà bảo trợ của tôi vẫn có đời sống yên vui và hạnh phúc, sung sướng với hoàn cảnh mới và xem ra còn coi sự thất bại đó làm một điều hãnh diện mỗi khi nhắc đến. Tinh thần lạc quan trong cuộc sống của người Mỹ như thế đấy, chúng tôi coi đó là một bài học tốt.

Chúng tôi đã tới *Galveston*. Hôm nay thời tiết thật đẹp, cái đẹp của tháng năm. Trời không lạnh mà cũng không nóng, mây trắng bay trên bầu trời cao xanh biếc. Ta cũng nên biết, vào những năm 1800, Galveston là thành phố lớn nhất của Texas. Vào năm 1900, Galveston bị một trận bão tàn phá với số người chết lên tới 6.000 người, một thiên tai khốc hại nhất thời bấy giờ. Sau đó, thành phố cho xây một bức tường dọc theo bờ biển để bảo vệ khỏi “sóng thần”. Bây giờ người ta có thể chạy bộ hay đi “skate” trên con đường chạy dọc theo bức tường đó.

Tại Galveston có nhiều thắng cảnh để xem. Đáng chú ý nhất là “*Bảo tàng lịch sử*” của thành phố. Ta cũng nên biết Galveston đã xảy ra *hai trận chiến*, một vào thời kỳ giao tranh của Texas với người Mỹ giữa Houston và Santa Ana như đã nói ở trên và một là trận chiến đẫm máu trong thời kỳ Nam Bắc chiến tranh (1861-1865) đã diễn ra tại đây vào ngày tết Dương lịch năm 1863. Sự chiến thắng thuộc về quân đội miền Bắc.

Chúng tôi đi phà (ferry) băng qua vịnh Galveston. Bên kia vịnh có một thành phố nhỏ, cổ kính vì nhà cửa được xây theo kiến trúc cũ, nhà nhỏ thôi nhưng rất xinh xắn, cửa hàng đâu đó ngăn nắp và đường xá thật sạch sẽ. Chúng tôi lang thang đến xế chiều mới đi phà quay trở về lại Galveston. Từng đàn chim hải âu trắng bay theo phà xin ăn. Gió biển thổi lồng lộng làm đàn chim có lúc như muốn chao đi, bay khựng lại và bị đẩy lùi về phía đuôi phà.

Chúng tôi may mắn thuê được căn “duplex” ngay trên bãi biển với “ocean view” thoáng mát để hưởng gió biển và sự êm đềm về đêm nằm nghe sóng vỗ. Bãi biển Galveston không đẹp vì cát màu nâu sậm, trông như bùn.

Có một điều đáng được kể lại ở đây là chiều tối hôm đó, chúng tôi đang đi tản bộ trên bãi biển không đèn thì bất chợt nhận ra, sau những đợt sóng đánh vào bờ, mỗi khi rút ra đã để lại những con cua biển to bằng bàn tay bò lổm ngổm trên bãi cát. Chúng tôi vội chạy về lấy thùng đựng đá (*ice box*) để đựng cua và cứ lấy dép mà hất chúng vào thùng. Cái thích thú thứ hai là khi chúng tôi lội xuống nước, chưa tới đầu gối, đàn cá ở đâu bơi ngang qua, cá to bằng cổ tay giống như cá lóc của mình cứ quần vào chân. Không có vợt nên phải dùng bao rác để hốt cá, ấy thế mà cũng được một số lớn. Sau đó một tiếng đồng hồ, chiến lợi phẩm là một “thùng đá” lớn đầy cua và cá được khệ nệ mang về. Ngày hôm sau chúng tôi đi sắm vợt để vớt cá, nhưng tiếc thay đàn cá đã không trở lại.

Một điều đáng kể nữa là bãi biển Galveston có rất nhiều muỗi, chúng tấn công đến sung cả người mặc dù chúng tôi đã có sáng kiến dùng bao rác, chọc thủng lỗ để choàng qua đầu làm “áo giáp”. Muỗi Galveston đốt đau lắm, đau ngang muỗi Florida. Ấy thế mà chúng tôi vẫn bắt gặp những cặp trai gái ngồi tâm tình khuất trong bóng tối trên bãi biển dù bãi biển cũng đã không đèn. Họ giỏi chịu đựng thật. Kể ra, đó cũng là điều lạ đáng nói của bãi biển Galveston về đêm. Những cặp đôi ấy có mấy tay để đủ đập muỗi nhỉ? Hay muỗi chỉ tấn công du khách? Hay da thịt người Á Châu thơm ngon và lạ hơn? Tôi mỉm cười với ý nghĩ ấy.

Thành phố Corpus Christi



Chúng tôi ở lại Galveston hai đêm. Rạng sáng ngày thứ ba chúng tôi rời Galveston để tới bãi biển *Corpus Christi* (*corp of Chist*). Đây là bãi biển đẹp đã thu hút hàng trăm nghìn du khách hàng năm. Thời tiết ấm áp nên thích hợp cho việc

tắm biển hay phơi nắng. Có nhiều khu cắm trại. Một địa danh của thành phố mang tên *Padre Island National Seashore*, đó là bãi biển cát trắng và có nhiều vỏ trai ốc đẹp. Và nên nhớ một điều là nếu ta muốn hưởng sự yên tĩnh trên bờ biển để nghe sóng vỗ thì chớ bao giờ tới Padre Island vào mùa xuân vì hàng nghìn học sinh sẽ đổ về đó tụ tập vui chơi trong những ngày “nghỉ mùa xuân” (spring break). Thành phố cũng còn có “*Bảo tàng Văn hóa Á châu*” (The Asian Cultures Museum) hay “*Hồ nuôi cá*” (The Texas State Aquarium). Chúng tôi cứ tiếp tục lái xe trên xa lộ dọc theo bờ biển của vịnh Mễ Tây Cơ (Gulf of Mexico) xuôi về hướng cực Nam, gần ranh giới Hoa Kỳ và Mễ.

Những cuộc chiến tranh kế tiếp xảy ra cho Texas

- Chiến tranh về biên giới với Mễ Tây Cơ

Như một nhà sử học, Triều lại kể tôi nghe, vào thời kỳ Texas vừa trở thành tiểu bang của Hoa Kỳ, chỉ một năm sau (1846), cuộc chiến tranh lại xảy ra giữa Hoa Kỳ và Mễ Tây Cơ do *tranh chấp biên giới*. Theo phía Hoa Kỳ thì lằn ranh giới giữa hai nước được phân định bằng con sông *Rio Grande*, phía Mễ thì muốn ranh giới của họ phải tiến sâu vào nội địa về phía Bắc của Texas, và đường biên giới mới phải được phân định bằng con sông *Nueces River*. Chiến tranh biên giới xảy ra và chiến thắng lại ở về phía Hoa Kỳ.

Sau cuộc chiến, trong hiệp ước *Guadalupe Hidalgo*, không những Mễ chịu công nhận ranh giới cũ, tức là sông *Rio Grande*, mà còn phải bán một vùng đất lớn cho Hoa Kỳ với giá 15 triệu đô-la gồm hầu hết đất thuộc những tiểu bang *New Mexico, Arizona, California, Colorado*, và *Nevada* ngày nay. Đồng thời, chính phủ Hoa Kỳ cũng đã mua một phần ba đất của Texas với giá 10 triệu đô la. Vùng đất mua từ Texas, ngày nay, đã là một phần hay toàn bộ đất đai của năm tiểu bang *New Mexico, Oklahoma, Kansas, Colorado*, và *Wyoming*. Với số tiền bán đất, it ra Texas đã trả được nợ trong thời kỳ khó khăn kinh tế của những năm mới độc lập vì lúc đó chưa được trở thành tiểu bang của Hoa Kỳ. Trong thời kỳ đầu lập quốc, thật khó khăn cho nước Texas non trẻ vì lúc đó ngành ngoại thương với Âu Châu đã bị khựng lại.

- Chiến tranh Nam-Bắc (Nội chiến)

Texas hưởng thanh bình kéo dài chẳng được bao lâu thì cuộc nội chiến Nam Bắc (1861-1865) xảy ra. Đã nhiều năm, những tiểu bang miền Bắc và miền Nam đã không đồng ý với nhau về *chế độ nô lệ người da đen*. Người miền Bắc muốn

giải phóng người nô lệ, người miền Nam thì không. Miền Bắc lúc này đã trở thành vùng kỹ nghệ, miền Nam vẫn còn là vùng nông nghiệp nên rất cần nô lệ trong việc canh nông. Năm 1861, 11 tiểu bang miền Nam liên kết với nhau và đồng tách khỏi những tiểu bang miền Bắc được gọi là *Union*, để trở thành nước độc lập được gọi là *Confederate States*.

Ngay khởi đầu, Thống đốc Texas là Sam Houston đã chống lại việc Texas tách rời ra khỏi Hoa Kỳ. Ông tuyên bố “*Nếu Texas tách ra khỏi Hoa Kỳ thì chiến tranh sẽ xảy ra*”. Và ông tiếp “*Nếu chúng ta không chết vì bom đạn thì chúng ta cũng chết vì đói khát*”. Quốc hội tiểu bang Texas liền cách chức Houston và thiết lập ngay một chính phủ mới liên minh với lực lượng miền Nam thuộc Confederate States ngày mùng 1 tháng 2 năm 1861. Vài trận đánh đã xảy ra trên đất Texas, trong đó có trận xảy ra tại Galveston vào ngày tết Dương lịch năm 1863 như đã nhắc tới. Texas đã đóng góp 70.000 quân cùng quân lương quân dụng cho lực lượng miền Nam. Cuối cùng, vào tháng 4 năm 1865, quân đội miền Nam đầu hàng. Chiến tranh Nam Bắc đã chấm dứt, nhưng tin tức đến chậm, một tháng sau, trận chiến ở *Palmito Ranch* thuộc Texas mới thật sự kết thúc. *Đó là trận chiến cuối cùng của Nam Bắc chiến tranh*. Sau gần một tháng chiến tranh chấm dứt, ngày 19 tháng 6 năm 1865, tướng *Gordon Granger* thuộc quân đội miền Bắc đã đến Galveston. Ông tuyên bố “*Kể từ hôm nay, tất cả những người nô lệ được giải phóng*”. Những người nô lệ da đen vui mừng và biến ngày hôm đó thành ngày lễ hội “*Juneteenth*” (June nineteenth) của Texas ngày nay.

Hậu chiến Nam Bắc, nền kinh tế Texas bị rơi vào chỗ thê thảm, cạn kiệt ngân sách. Texas và những tiểu bang thuộc Confederate States bị cai trị dưới chế độ “quân quản” khắc nghiệt. Họ phải xây dựng lại quê hương một cách khó khăn mà không còn sự giúp sức của những người nô lệ xưa. Những người nô lệ đó nay đã được chính phủ Hoa Kỳ tái định cư tại những vùng kỹ nghệ miền Bắc hay giúp đỡ họ chuyển nghề. Đa số trong số họ đã định cư tại những thành phố lớn, chỉ còn một số nhỏ quay về với nông trại.

Mời nghe một bản nhạc

[The Yellow Rose of Texas](https://www.youtube.com/watch?v=HSaiyqzljYI&list=RDEyu3OIn5A00&index=16)

<https://www.youtube.com/watch?v=HSaiyqzljYI&list=RDEyu3OIn5A00&index=16>

Những chàng cao-bồi Texas



Những chàng “chăn bò” hay “cao-bồi” (cowboy), là một biểu tượng đặc thù rất nổi tiếng của Texas. Thời “hung thịnh” của các anh chàng này được bắt đầu kể từ thời *hậu chiến tranh Nam Bắc*. Nói về Texas mà không nhắc tới “cao-bồi Texas” thì quả thật là một thiếu sót lớn.

Năm 1870 sau khi người Texas chấp nhận quay trở lại với chính quyền Liên bang Hoa Kỳ, các nông trại không còn một xu dính túi, nhưng họ nhận ra rằng trong tay họ còn có từng đàn bò hoang, loại sừng dài, sống đông đúc trên cánh đồng cỏ xanh rộng lớn thuộc miền tây Texas. Những đàn bò hoang vô chủ sẽ thuộc về ai có thể bắt được chúng. Hình ảnh của các chàng “cao-bồi” ta thấy qua phim ảnh của *Hollywood* đã được phát sinh. Họ xua từng đàn bò từ vùng đồng cỏ Texas theo đường mòn (trail) qua San Antonio, Austin và Fort Worth, rồi băng qua tiểu bang Oklahoma để đến *Abilene* thuộc tiểu bang *Kansas*. Con đường di chuyển này được gọi là *Chisholm Trail*.

Năm 1871, lộ trình di chuyển trên trở nên rất nhộn nhịp, có tới 600 nghìn con bò đã được di chuyển trên tuyến đường này. Cũng nên nói rõ thêm là bò hoang đã đến đây từ thời các nhà thám hiểm Tây Ban Nha mang tới. Một số bò trốn thoát và chúng sinh sôi rất nhanh trên cánh đồng cỏ xanh tươi thuộc miền tây Texas.

Không phải Texas chỉ đem bán bò “sừng dài” được đánh bắt trên cánh đồng cỏ hoang mà còn phải kể đến cả bò “sừng ngắn” do các nông trại đã nuôi trước khi cuộc chiến tranh Nam-Bắc xảy ra. Cách nuôi và di chuyển bò, ngay cả “y phục cao-bồi” với nón rộng vành, quần áo ngoài bằng da cũng đều bắt chước từ “cao-bồi người Mỹ” thời đó. Trong chiến tranh, mọi thanh niên Texas đều phải gia nhập quân ngũ, gia súc không người chăn nuôi, nhưng bò vẫn sinh sôi một cách nhanh chóng mà thịt chúng không được cung ứng cho thị trường.

Texas thuộc lực lượng miền Nam (Confederate States) nhưng phần sông Mississippi thuộc lãnh thổ của lực lượng miền Bắc (Union) kiểm soát. Do đó, trong khi quân đội miền Nam ở Virginia chết đói mà lương thực của Texas lại không thể chuyển vận lên tiếp tế cho Virginia được. Trận chiến khốc liệt lừng danh trong quân sử Mỹ của tướng *Ulysses S. Grant*, tổng tư lệnh của quân đội miền Bắc (Union), chính là trận chiến giành lấy sự kiểm soát dòng sông Mississippi chiến lược này. (Mời đọc **BÀI ĐỌC THÊM THỨ 2** -trang 44)

Khi chiến tranh Nam-Bắc kết thúc, 6 triệu con bò nuôi ở Texas không được sử dụng tới. Trong chiến tranh, mọi nguồn thịt đều dùng phục vụ cho quân đội, Nay hòa bình, hàng triệu người dân miền Bắc đang có nhu cầu rất cao về thịt, nhưng cung ứng tại chỗ thì không có bao nhiêu. Giá thịt bò tăng rất cao mà trong khi đó ở Texas, *giá một con bò chỉ có một đô la*. Do đó, nhiều đàn bò được chuyển lên hướng Bắc.

Cũng nên biết thêm, hệ thống “đường sắt” (railroad) mới chỉ được xây dựng tới miền tây của *Kansas*. Vấn đề đặt ra là làm sao di chuyển được những đàn bò tới *Kansas*. Thị trấn *Abilene* của *Kansas* đã trở thành “chợ bò” quan trọng cho thị trường bò Texas. Thành phố *Dodge*, *Kansas*, sau đó trở nên quan trọng hơn *Abilene* và được mệnh danh là “kinh đô” của các chàng cao-bồi. Bò được chuyển đến những tỉnh thuộc *Kansas*, và sau đó, người ta chuyển chúng thẳng tới *Chicago* bằng xe lửa.

Cuộc buôn bán bò hưng thịnh kéo dài được *15 năm*. Hàng chục triệu con bò đã liên tục băng ngang qua cao nguyên *Great Plains*. Trên con đường dài này, đàn bò chỉ có thể di chuyển một cách chậm chạp, có khi vài tháng, có khi cả năm mới tới nơi bán, và các chàng cao-bồi phải bảo vệ bò suốt 24 giờ một ngày.

Rồi tới năm 1880, tình hình thị trường thịt bò thay đổi. Đôi khi bò tới nơi mà không bán được ngay, chúng phải được nuôi dưỡng trên những cánh đồng cỏ để béo tốt trở lại sau cuộc di chuyển dài ngày. Do đó hàng trăm trại bò được thành lập dọc theo đường di chuyển để nuôi dưỡng chúng chờ ngày mang ra chợ bán. Số trại bò đã nhanh chóng tăng trưởng cả về số lượng lẫn kích thước. Có trại rất lớn, do người giàu mua lại đất của các trại nhỏ, có diện tích lớn hơn diện tích của tiểu bang *Rhode Island*, đó là trại *The King Ranch* còn hoạt động tới ngày nay.

Xin mở đầu ngoặc ở đây, vào năm 1862, để khuyến khích dân chúng đến định cư ở các vùng miền Tây xa xôi (tính từ sông Mississippi), Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua dự luật "*Homstead Act*". Luật này cho phép công dân Mỹ trên 21 tuổi đến đây lập nghiệp được cấp 160 mẫu tây đất (*acres*) để khai khẩn. Một làn sóng di dân tràn vào vùng này. Theo đạo luật mới, họ có quyền thiết lập *nông trại* riêng cho mình trong phạm vi đất được sở hữu. Ban đầu, các chàng cao-bồi Texas không quan tâm đến những nông trại tư nhân mới thiết lập này, đã ngang nhiên dẫn từng đàn bò của mình băng qua ngay cả phần đất đã có chủ ấy. Nhưng tới năm 1875, “dây kẽm gai” được phát minh. Những trại chủ đã dùng dây kẽm gai để làm hàng rào cho khu đất của mình. Các chàng cao-bồi đã đáp ứng lại bằng hành động rất ư là “cao-bồi”, xây dựng hàng rào lớn hơn bao quanh luôn hàng rào của các trại chủ, đồng thời lấp nguồn nước, ngăn chặn đường mòn và ngay cả trục lộ giao thông chính. Cuộc chiến tranh “cắt dây kẽm gai” bộc phát.

Trong khi đó, quyền lợi của những trại chủ được pháp luật bảo vệ. Và cuối cùng, tình hình công việc chung của các chàng cao-bồi cũng đã bị giới hạn dần bởi sự đòi hỏi gia tăng phẩm chất của thịt bò, hệ thống đường sắt được nối dài thêm ra, việc đánh bắt bò hoang không còn xảy ra nữa và cuộc chiến tranh “cắt dây kẽm gai” đã đi vào dĩ vãng.

Đến năm 1885, là năm chấm dứt thời kỳ “*oai hùng*” trên lưng ngựa hay thời kỳ “*thơ mộng*” của các chàng cao-bồi cùng nhau ngồi đánh đàn banjo, thổi khẩu cầm dưới ánh trăng giữa lòng sa mạc hoang vắng. Ngày nay, chính các chàng cao-bồi này hay con cháu của họ đã *đổi nghề* và đang hăng say làm việc trong những công xưởng kỹ nghệ dầu hỏa hay ngành kỹ nghệ tân tiến khác và ngay cả trong lãnh vực kỹ thuật cao (*high tech*).

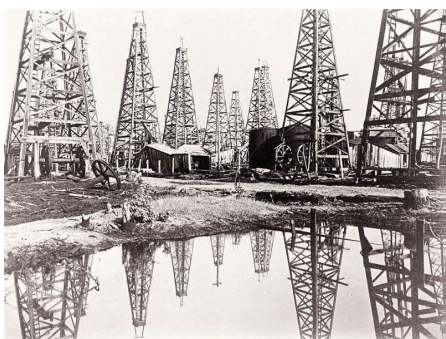
Mời nghe một bản nhạc

[The Last Cowboy Song](#)

https://www.youtube.com/watch?v=GKeDcF1v_Y4&list=RDSmDKJTXWvV4&index=

6

Ngành dầu hỏa



Houston nói riêng hay Texas nói chung mà ta không nhắc sơ qua *ngành dầu hỏa* ở vùng này thì quả thật cũng là một thiếu sót lớn, cũng như nếu không nhắc tới những chàng “cao-bồi Texas” như đã nói ở trên vậy. Khởi thủy, vào thời kỳ “cao-bồi Texas” chấm dứt, một biến cố mới khác được phát sinh. Năm 1894, những người thợ đang đào giếng nước thì bất chợt, thay vì nước thì lại là dầu thô, một thứ được thời đó mệnh danh là “vàng đen” đã từ lòng đất phun lên. Dầu thô được khai thác sau đó. Khởi đầu, có 5 giếng dầu nhỏ với khả năng khai thác 150 nghìn thùng một năm. Trong sáu năm sau, giếng dầu *Corsicana*, với trữ lượng trong lòng đất có chiều dài 5 dặm (8 cây số), có chiều ngang 2 dặm (3.2 cây số), đã sản xuất được 850 nghìn thùng dầu thô một năm.

Một thương gia tên *J.S. Cullinan*, đến từ Pennsylvania, xây dựng những nhà máy lọc dầu (*refinery*) để biến dầu thô thành dầu xăng tinh lọc và những phó sản. Cullinan cũng áp dụng vào xe lửa, dùng dầu thay vì dùng than. Ông ta bắt đầu kỹ nghệ dầu ở Texas với cái tên *Texas Fuel Company*, và sau này người ta biết đến nó qua tên *Texaco Inc.*, một trong những hãng dầu lớn nhất thế giới.

Rồi vào ngày 10 tháng 1 năm 1901, dầu phun lên từ giếng dầu *Spindletop* gần tỉnh *Beaumont*. Giếng dầu này đã sản xuất được 17 triệu thùng trong năm 1901. Chỉ trong vòng một năm sau đó, hơn 100 giếng dầu lớn nhỏ đã được khai thác ở cùng một khu vực của Spindletop. Điều đó chứng tỏ khai thác những giếng dầu không còn là chuyện tình cờ nữa. Tìm kiếm và khai thác dầu đã lan rộng trên toàn Texas và bắt đầu mở một kỷ nguyên mới cho tiểu bang: *kỹ nghệ dầu hỏa*.

Thành phố Houston



Sau khi viếng thăm Corpus Christi chúng tôi trở lại thành phố Houston, thành phố lớn nhất của Texas. Trong những ngày đầu lập quốc, Houston đã từng là thủ đô tạm thời của “*nước Texas*”. Sau đó thủ đô được dời sang thành phố *Austin*.

Thành phố Houston mang đủ tính chất của một thành phố lớn của nước Mỹ. Hệ thống xa lộ chằng chịt, xe cộ tấp nập và những cao ốc vươn cao. Sinh hoạt của cộng đồng người Việt ta rất sầm uất, đặc biệt là những sinh hoạt về chính trị, văn hóa và nghệ thuật khá nhộn nhịp. Tất nhiên là Houston có những khu chợ Việt Nam với “thứ gì cũng có”, nhưng không tập trung vào một chỗ mà lại chia ra nhiều khu, có lẽ vì bị ảnh hưởng bởi sự chia thành *năm khu vực kinh doanh* cách xa nhau vốn có sẵn của thành phố Houston.

Khu Hồng Kông Plaza là khu thương mại lớn nhất của người Việt Nam ở thành phố này. Trước mặt tiền của Plaza là tượng đài to lớn, uy nghi để vinh danh người lính Mỹ lẫn Việt Nam trong trận chiến Việt Nam vừa qua, họ đã cùng sát cánh bảo vệ nền tự do, dân chủ ở quê nhà khi xưa; và với cả “tượng đài thuyền nhân” dành cho người vượt biên. Tôi vào một tiệm sách Việt trong khu chợ Hồng Kông mua mang về một ít sách. Sách ở đây có nhiều và rẻ hơn những nơi khác như ở Westminster hay San Jose mà tôi được biết.

Thành phố Houston có nhiều công nghiệp nặng, kể cả ngành hàng không lẫn y khoa, nhưng nổi bật nhất vẫn là “công nghiệp năng lượng” đứng hàng đầu thế giới, *đặc biệt* là “kỹ nghệ dầu hỏa” và những phó sản của nó, hoặc những kỹ nghệ có liên quan đến những trang thiết bị, tàu chuyên chở phục vụ cho kỹ nghệ dầu hỏa.

Chúng tôi biết ở thành phố Houston có nhiều chỗ để đi thăm thú và nhiều thắng cảnh đẹp thu hút du khách, như ta có thể đi thăm *Bảo tàng viện lịch sử Texas* (The Museum of Texas History), *Bảo tàng Nghệ thuật* (Museum of Fine Art) trưng bày những tác phẩm nghệ thuật của Ai Cập, Hy Lạp, La Mã và Châu Âu, được mở

cửa từ năm 1924, và nó cũng là Bảo tàng nghệ thuật đầu tiên của Texas. Ta cũng có thể đi thăm “*Khu chợ cổ*” (Old Market Square) hay “*Sở thú*” (The Houston’s zoo) và nhất là, thật thích thú biết bao khi ta tới thăm “*Trung tâm Không gian Houston*” để xem những phi thuyền và hiểu biết phương cách làm sao những phi hành gia có thể sống và làm việc trên không gian. Nhiều và còn nhiều lắm những nơi chôn đẽ ta tới xem trong thành phố Houston.

Thú thực, chúng tôi chỉ ghé thành phố Houston trong một thời gian đôi ngày ngắn ngủi, lại dành quá nhiều thời giờ cho người thân trong gia đình và bạn bè sinh sống ở đây nên sự hiểu biết về thành phố này thật chẳng là bao. Chúng tôi mong có ngày được trở lại thành phố này lần nữa để được biết thêm về nó nhiều hơn.

Chúng tôi từ già Texas để trở lại Louisiana. Và từ đó chúng tôi đáp máy bay về San Jose nơi chúng tôi đang sinh sống.

Khi đặt chân tới San Jose, cảm giác đầu tiên của tôi là được trở về nhà để tiếp tục mọi sinh hoạt hàng ngày một cách thoải mái hơn sau những ngày lang thang, dù cuộc đi chơi xa nhà nào cũng mang cho tôi nhiều thích thú.

Texas là nơi đất lành chim đậu, đặc biệt đối với người Việt tị nạn chúng ta. Thương nhớ Texas nhiều. Vội ghi lại vài hàng những kỷ niệm nhớ nhớ quên quên của tuổi “chớm già”.

Mời nghe bản nhạc phim miền Viễn Tây

[Por uns dólares a mais](https://www.youtube.com/watch?v=b7SC6jmEuSA)

<https://www.youtube.com/watch?v=b7SC6jmEuSA>

(Thêm một đô la)

Ghi chú

(1) Xin mời đọc hai bài “Cưỡi ngựa xem hoa” về *Hoa Thịnh Đốn* và *New Orleans* của NGH

Tài liệu tham khảo

- Những dữ kiện lịch sử trong bài này được người viết sưu tầm, chọn lọc và dịch hoặc phỏng dịch từ những nguồn sử liệu Hoa Kỳ.
- Hình ảnh lấy từ trên NET và do người viết bài chụp.

BÀI ĐỌC THÊM THỨ 1

THEODORE ROSEVELT

Và

Trận chiến trên đồi

SAN JUAN HILL



Roosevelt và Rough Riders
(Ảnh lấy từ Wikipedia)

Bối cảnh lịch sử

Trong nhiều năm, người dân Cuba mong muốn giải phóng đất nước của họ ra khỏi sự cai trị của người Tây Ban Nha (Spanish). Nhiều cuộc cách mạng “Giải phóng” đã nổ ra nhưng đều thất bại. Năm 1895 lại xảy ra một cuộc nổi dậy khác nữa khiến Tây Ban Nha phải lập tức gửi ngay một lực lượng hùng hậu khoảng hai trăm nghìn (200,000) quân đến Cuba để dập tắt cuộc nổi dậy ấy. Tuy nhiên, lần này, lực lượng những người Cuba yêu nước đã thay đổi chiến thuật, không mở những trận chiến trực diện quy mô mà thay vào đó bằng chính sách tiêu thổ kháng chiến và áp dụng chiến tranh du kích. Họ tự đốt tài sản, hủy hoại mùa màng, phá các tuyến đường sắt. Người Tây Ban Nha tức giận, đáp lại bằng các biện pháp nhằm trừng phạt nhắm vào toàn bộ người dân Cuba. Quân Tây Ban Nha tổng tất cả

gia đình người Cuba vào các trại tập trung, bỏ mặc hàng nghìn người chết do bệnh tật hoặc bỏ đói một cách hết sức tàn nhẫn.

Hoa Kỳ đương nhiên đã theo dõi tình hình đang xảy ra tại Cuba với sự quan tâm đặc biệt. Người dân Hoa Kỳ vẫn chưa quên thời kỳ *mười ba thuộc địa đầu tiên* đã phải chiến đấu như thế nào để dành được nền độc lập từ tay người Anh. Do đó họ có nhiều thiện cảm đối với bất cứ thế lực nào khác trên thế giới đang cố gắng giành lấy tự do và độc lập cho đất nước mình. Vào thời kỳ này, Mỹ đã đầu tư hơn 50 triệu đô-la vào ngành công nghiệp lần thương mại tại Cuba và đang trên đà phát triển ở tầm mức khả quan.

Khi chiến sự tại Cuba bùng nổ mạnh, vào *tháng 1 năm 1898*, chiến hạm Maine được gửi đến để bảo vệ công dân và tài sản Mỹ ở đó. Vài tuần sau, tàu Maine bị nổ tung trên bến cảng Havana. Cho đến nay, người ta vẫn chưa biết điều gì đã xảy ra cho con tàu ấy. Tàu bị chìm ngay lập tức, cướp đi 260 sinh mạng của thủy thủ đoàn. Sự kiện đó đã đưa nước Mỹ vào một cuộc chiến tranh mới. Hoa Kỳ đã chính thức tuyên chiến chống lại Tây Ban Nha vào ngày *19 tháng 4 năm 1898*. Cả hai bên, Hoa Kỳ và Tây Ban Nha, đều không chuẩn bị cho cuộc chiến tranh vào thời điểm đó. May mắn thay, những cuộc giao tranh chỉ mới giới hạn trong một vài trận đánh cục bộ mang tính cách địa phương. Toàn bộ cuộc chiến giữa hai bên đã kết thúc chỉ trong vài tháng.

Trong cuộc chiến tranh ấy, trận đánh quan trọng nhất đã diễn ra trên đồi **San Juan Hill** gần thành phố Santiago, Cuba. Trong trận này, **Theodore Roosevelt** và đội quân đặc nhiệm mang tên **Rought Riders** dưới quyền chỉ huy của ông đã đột nhiên trở nên nổi tiếng. Cũng nên biết, đội quân Rough Riders do chính Roosevelt tuyển binh và huấn luyện tại San Antonio, Texas.

Roosevelt là một nhân vật nổi bật trong thời kỳ này. Ông đã từ bỏ chức vụ Trợ lý Bộ trưởng Hải quân Hoa Kỳ (Assistant Secretary of the Navy) để thành lập đội quân Rought Riders. Sự nổi tiếng của Theodore Roosevelt và đội quân đặc nhiệm trong trận đánh tại San Juan Hill đã giúp ông trở thành *Tổng thống thứ hai mươi sáu* (26 th) của Hoa Kỳ.

Sự kiện trận chiến trên đồi San Juan Hill

- Roosevelt với đội quân Rough Riders



Roosevelt 1904
(Ảnh lấy từ Wikipedia)

Đội quân Rough Riders là một đội binh kỳ lạ, được tập hợp lại gồm những chiến binh có nhiều cá tính, đa dạng và nhiều màu sắc khác nhau. Họ không phải là kỵ binh (calvary), thậm chí cũng không phải những người lính (soldiers) đứng nghĩa. Họ chủ yếu là những tay cao bồi và thổ dân da đỏ được thu thập từ các tiểu bang miền Tây. Thủ lĩnh của họ, *Theodore Roosevelt* đã từng sở hữu một trang trại lớn ở vùng Tiểu bang North Dakota. Kể từ sau thời gian thành lập đội quân, ông rất nhiệt tình với mọi sự kiện xảy ra liên quan đến miền Tây. Như năm 1886, khi có nguy cơ nổ súng ở biên giới Mexico, Roosevelt đã tình nguyện gửi đến đó một trung đoàn Rough Riders, trong số gồm những tay súng thiện chiến. Năm 1898, ông đã tạo cơ hội cho chính mình bằng cách từ bỏ chức vụ chính trị quan trọng đang có để lãnh đạo toán quân Rough Riders vừa mới được tổ chức.

Các Rough Riders, cá tính cũng đầy màu sắc như chính "Teddy", một biệt danh dùng cho Theodore Roosevelt đến từ miền Đông. Ông xuất thân từ một gia đình giàu có và được học ở những trường nổi tiếng. Ông đều được những người dưới quyền rất kính trọng và ngưỡng mộ. Họ dành cho ông cái tên rất thân mật là "Four Eyes" vì ông đeo cặp kính dày và nặng. Đây là ngôn ngữ của cao bồi luôn dùng để chỉ những ai đeo kính.

Thành viên Rough Riders đều là tình nguyện viên, rất ít người trong số họ đã từng đi lính trước đây. Đội quân tân lập ấy được chia thành các "toán" riêng biệt, dựa theo các địa phương hay tiểu bang họ đến như toán đến từ Arizona, toán đến từ Oklahoma, toán đến từ New Mexico, toán của những người đến từ miền Đông, chủ yếu gồm các vận động viên, giáo viên, nhà văn ... Có toán gồm phần lớn là những người da đỏ. Các toán tân binh gia nhập khác nhau đó được tập trung tại San

Antonio, Texas. Nơi đây, họ phải trải qua sáu tuần lễ huấn luyện quân sự. Tuy nhiên, Rough Riders, dù được huấn luyện nhưng chưa bao giờ trở thành những người chiến binh thực thụ. Thật khó khăn đối với họ khi phải xung hô với một sĩ quan là “Sir” (Ngài), hoặc chấp nhận bất kỳ hình thức kỷ luật quân sự nào. Tại San Antonio, họ mặc đồng phục đặc biệt của mình, quần màu nâu, áo sơ mi màu xanh lam. Trong khi đó, quân đội chính quy mặc quân phục đồng màu xanh lam. Họ cưỡi ngựa riêng thay vì ngựa do quân đội cấp phát và đeo súng lục thay thế các thanh kiếm thông thường như binh lính chính quy.

Vào tháng 6, binh đoàn Rough Riders rời San Antonio đến Tampa, Florida. Ở đây họ đã trải qua hai tuần lễ vô cùng khó chịu trong thời tiết cực kỳ nóng bức. Cuối cùng, họ cũng nhận được lệnh lên đường đến Cuba. Tuy nhiên, đến lúc rời Tampa, họ khám phá ra rằng không có một chuyến tàu nào đến để đưa họ đến Port Tampa. May thay, "Teddy" tìm thấy một đoàn tàu chở than cũ kỹ bỏ trống. Ông dồn đầy quân của mình lên đó và liêu lĩnh cho tàu chạy ngược đường đến tận Port Tampa trên con đường sắt (rail road) độc đạo. Các chiến binh Rough Riders đã đến được Port Tampa một cách an toàn, nhưng toàn thân họ lợ lem như những người khai thác mỏ than. Tiếp theo, khi đến Port Tampa, hỡi ôi một lần nữa họ lại nhận ra rằng không có tàu bè để chở họ đến Cuba. "Teddy" đã sớm giải quyết vấn đề này bằng cách chiếm luôn một con tàu thuộc về một binh đoàn khác. Ông đẩy bừa quân của mình lên tàu và không quan tâm đến sự chọn lựa ưu tiên còn đang tranh chấp.

-Trận chiến



Toàn bộ cuộc chiến *mang nhiều kịch tính*. Đoàn quân gặp hết khó khăn này đến khó khăn khác, như nguồn cung cấp lương thực hiếm khi đến đúng ngày, đôi khi

không có thức ăn trong vài ngày, có khi lại quá dư thừa. Quân phục bằng len nặng nề được mặc trong một chiến trường thuộc vùng nhiệt đới như ở Cuba trong những tháng mùa hè của tháng Sáu và tháng Bảy. Cũng nên nhắc lại ở đây, khi đoàn quân Rough Riders từ Texas chuyển đến Tampa thì họ buộc phải bỏ ngựa lại. Chúng ta có thể tưởng tượng những chàng cao-bồi hay những chàng da đỏ có thói quen tung hoành trên yên ngựa, nay sẽ chiến đấu ra sao nếu thiếu ngựa.

Vào ngày 22 tháng 6, khoảng 16 nghìn lính Mỹ, bao gồm cả đội quân Rough Riders lẫn các binh đoàn quân chính quy khác cũng đã đến được Cuba. Họ được đổ bộ lên một thị trấn nhỏ trên bờ biển tên Daiquiri. Sau đó, họ cùng tiếp tục di chuyển đến Siboney, một thị trấn nhỏ cách đó chín dặm theo hướng Santiago. Một vài cuộc giao tranh đã xảy ra, nhưng quân Mỹ vẫn tiếp tục tiến bước. Trong vài ngày sau, quân Mỹ đã tiến được tới vùng chiến địa nằm cách không xa tầm nhắm của các khẩu đại pháo của quân địch nằm bên ngoài Santiago. Ngày 30 tháng 6, tám ngày sau khi đến Cuba, họ nhận được lệnh tấn công Santiago. Vị trí mạnh nhất của quân Tây Ban Nha dùng để bảo vệ cho Santiago tọa lạc trên ngọn đồi San Juan Hill, có độ cao 150 feet và độ dốc 40 độ, nằm ngay bên ngoài thị trấn.

Ngày hôm sau, ngày 1 tháng 7, các Rough Riders thức dậy vào lúc bình minh, sẵn sàng cho trận chiến phía trước. Pháo binh Tây Ban Nha nã đạn liên tục về phía đối phương. Tuyến đường tiến quân của quân đội Mỹ, nằm dọc theo một con đường hẹp, hai bên là rừng rậm. Bỗng đâu, mọi sự di chuyển chợt đều bị dừng lại. Roosevelt lao thẳng tới viên chỉ huy Trung đoàn chính quy đang dẫn đầu, với vẻ mặt đầy giận dữ hỏi lý do. Viên chỉ huy Trung đoàn giải thích là đang chờ lệnh xung phong. Roosevelt hét lên :“Nhuờng chỗ cho người của tôi vượt qua, thưa Ngài”. Viên sĩ quan ngạc nhiên, ra lệnh cho người của mình tránh sang một bên đường. Đoàn quân Rough Riders, với "Teddy" trên lưng ngựa dẫn đầu, tiến lên phía trước. Tất cả mọi người đều cổ vũ.

Quá trình tiến quân qua khu rừng diễn ra chậm chạp và phải đến trưa họ mới đến được chân đồi San Juan. Một lần nữa, cuộc tấn công lại bị trì hoãn để chờ lệnh tấn công. Sức nóng gần như vượt quá sức chịu đựng của các chiến binh. Vị trí dừng chân của họ cũng rất nguy hiểm. Súng quân Tây Ban Nha, từ đỉnh đồi San Juan nã đạn một cách xối xả và hung hãn. Hàng trăm Rough Riders và quân chính quy đã chết hoặc bị thương nặng. Teddy không thể chờ đợi thêm được nữa. Ông tự ra lệnh cho đoàn quân của mình xung phong lên đồi. Ngọn đồi đã quá cao lại dốc

nên đoàn quân chỉ có thể bò thay vì chạy lao lên nhanh. Một số lên được, một số khác thì không. Nhiều người đã ngã xuống và bị bỏ lại.

Roosevelt xuống ngựa, dẫn quân lao về phía trước. Roosevelt ra lệnh mọi người tạm ẩn núp để lấy lại sức trước khi mở cuộc tấn công cuối cùng tại một trong những chiến hào do quân Tây Ban Nha đào trước như một phần bố trí của hàng phòng thủ. Ngay sau đó, ông hét phát lệnh xung phong. Tiếng súng trên chiến trường lúc đó nổ ran khiến binh lính của ông không nghe được mệnh lệnh của ông ban ra. Khi ông lao lên phía trước được khoảng 75 mét, ông nhận ra không có mấy ai tiến theo mình, vồn vện chỉ có vài người. Ông chạy quay ngược lại hầm và hét lên giận dữ: "Tại sao các anh không theo tôi?" Mọi người ngạc nhiên: "Chúng tôi không nghe thấy lệnh, thưa Đại tá!". Roosevelt ra lệnh một lần nữa, và lần này cả đoàn quân của ông ùn ùn cùng phóng lên theo. Quân đội chính quy nhìn thấy sự hăng say của Rough Riders, họ cũng lao lên. Và chẳng mấy chốc họ đã lên đến đỉnh đồi.

Vào thời điểm này, quân Tây Ban Nha tháo chạy, rút khỏi đồi San Juan vì họ nhận thấy có điên rồ ở lại chiến đấu, bất kể họ bắn nhanh cỡ nào hay giết bao nhiêu chiến binh Mỹ, những người khác vẫn tiếp tục lao vào. Các Rough Riders, khi lên đến đỉnh đồi San Juan Hill, đã òa vang tiếng reo hò chiến thắng. Một số binh sĩ ngòì bệt xuống đất nghỉ ngơi vì mệt, nhưng rất sung sướng. Họ nhìn nhau để thay lời nói: "Chà, cuối cùng thì chúng ta cũng đã ở đây".

Hai ngày sau, hạm đội Tây Ban Nha bị tàu chiến Mỹ tiêu diệt hoàn toàn ngay bên ngoài cảng Santiago. Thành phố Santiago đầu hàng. Trên thực tế, cuộc chiến đã kết thúc, nhưng suốt đến vài tháng sau, hiệp ước hòa bình vẫn chưa được chính thức ký kết. Tuy vậy, không có cuộc giao tranh nào diễn ra thêm. Hai tháng sau, Rough Riders trở lại Hoa Kỳ. Sau này, với tư cách là Tổng thống, Theodore Roosevelt thường tranh cãi tại Capital Hill với tinh thần và năng lực như ông đã thể hiện ở San Juan Hill. Tất cả cuộc đời của mình, ông tiếp tục chiến đấu vì nguyên nhân này hay nguyên nhân khác, đã chứng tỏ ông là một trong những vị tổng thống được yêu thích nhất của Hoa Kỳ.

Mời xem một đoạn phim

[The Battle of San Juan Hill](#)

<https://www.youtube.com/watch?v=C2zL-5QtyNQ>



BÀI ĐỌC THÊM THỨ 2

SƠ LƯỢC TRẬN CHIẾN VICKSBURG



Giới thiệu tướng Ulysses S. Grant

Hai năm đầu tiên của cuộc Nội chiến - từ tháng 4 năm 1861 đến tháng 7 năm 1863 - đã diễn ra một cách tồi tệ, buồn thảm đối với quân đội của *Liên bang miền Bắc* (Union) được gọi tắt là “miền Bắc”. Mặc dù vượt trội về quân số, vũ khí, tài lực và một hậu phương có nền kỹ nghệ chiến tranh mạnh hơn hẳn so với quân đội của *Liên minh miền Nam* (Confederate) được gọi tắt là “miền Nam”, nhưng miền Bắc luôn phải hứng chịu từ những thất bại này đến những thất bại khác về quân sự. Tinh thần của người dân đã suy giảm và đã có những lời chỉ trích mạnh mẽ đối với Tổng thống Lincoln và chính phủ. Chủ yếu vấn đề được đặt ra ở đây, có vẻ như quân đội miền Bắc chưa có những **vị tướng tài giỏi** đạt được yêu cầu đòi hỏi của chiến trường.

Nhưng sau đó, trong những chiến trận ở vùng phía tây, giới quân sự bắt đầu quan tâm tới một người được cho là dường như biết cách chiến đấu, người này chính là **Ulysses S. Grant**. Niềm hy vọng của quân đội miền Bắc đã hướng về ông. Grant được đưa về miền đông để phụ trách các chiến dịch chống lại Lee, vị tướng Tổng tư lệnh của quân đội miền Nam. Để rồi từ đó, cuối cùng, trong chiến dịch dài trong suốt thời gian 1864-1865, *Grant đã đưa Lee đến sự đầu hàng ở Appomattox, Richmond*, kết thúc cuộc chiến tranh “Nội chiến” (Civil War) hay chiến tranh

“Nam-Bắc” kéo dài 4 năm (1861-1865). (Mời đọc **BÀI ĐỌC THÊM THỨ 3 – trang 52**)

Grant có cá tính đặc biệt, cách sống rất khác thường và uống rượu nhiều. Mặc dù vậy, bề ngoài lẫn cách cư xử của ông lại rất giản dị. Ông tốt nghiệp trường Westpoint, từng phục vụ trong *Chiến tranh Hoa kỳ-Mexico* nhưng sau đó rời quân ngũ trong hoàn cảnh nền kinh tế đất nước không thuận lợi. Trong cuộc sống dân sự, ông đã thử hết công việc này đến công việc khác nhưng đều thất bại hoàn toàn. Vào thời điểm cuộc Nội chiến xảy ra, ông tình nguyện huấn luyện tân binh. Sau đó, vận may đến, ông được dẫn quân tham gia vài trận chiến và đã thể hiện được khả năng điều quân tài ba một cách vượt trội của mình. Ông đã giành được những chiến thắng quan trọng, như tại *Pháo đài Henry* và *Donelson* ở Tennessee.

Tuy nhiên, trận đánh giành được nhiều sự chú ý nhất và nổi tiếng ngay lập tức đối với Grant là việc chiếm được căn cứ vững chắc, vị trí huyết mạch mang tính chiến lược quan trọng của Liên minh miền Nam tại **Vicksburg** ở Mississippi. Trận chiến này đã được các chuyên gia quân sự mô tả là một trong những trận chiến vĩ đại nhất trong lịch sử quân sự thời Nội chiến. Nó cho thấy thuật dụng binh mà Grant theo đuổi và đã giành được hầu hết những chiến thắng cho mình.

Trận chiến Vicksburg chắc chắn có nhiều điều thú vị nên chúng ta cũng nên tìm hiểu nó cho rõ hơn.

Sự kiện trận chiến Vicksburg

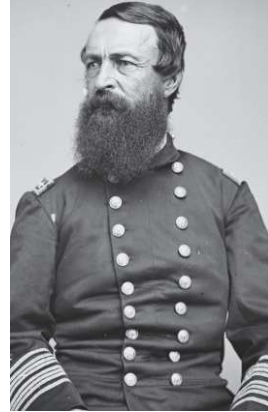
Thành phố Vicksburg, bang Mississippi, tọa lạc trên *bờ đông* của sông Mississippi, trên một ngọn đồi có độ cao khoảng hai trăm “feet” (61 mét) so với mặt sông. Dòng sông Mississippi chảy theo hướng bắc-nam. Nó chảy tới ven thành phố Vicksburg và sau đó lại ngoằn ngoèo chuyển hướng, do đó nơi đây tạo thành một bán đảo (peninsula) lớn đối diện với Vicksburg (Xem bản đồ số 3, phải).



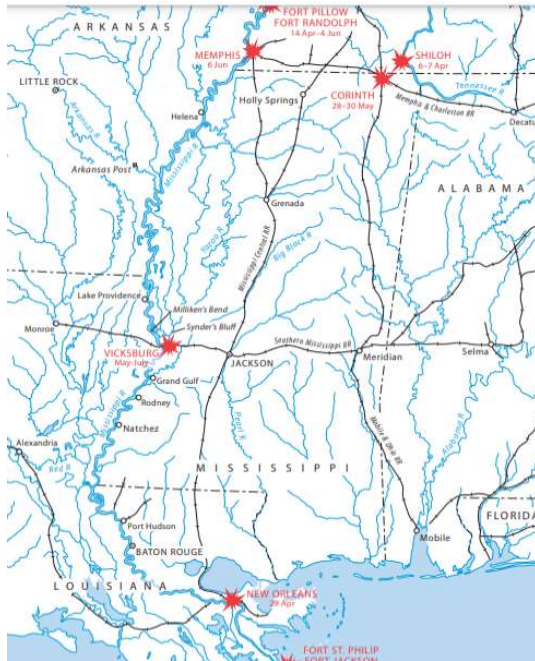
Tướng Grant



Tướng Sherman



Đô đốc Porter



Bản đồ số 1 (bản đồ bên phải: vùng màu đỏ thuộc quân miền Nam)

Vicksburg, nằm khoảng 200 dặm (320 cây số) về phía nam của Memphis, Tennessee; khoảng 150 dặm (240 cây số) về phía bắc của New Orleans, Louisiana. Đến tháng 1 năm 1863, khi Grant lần đầu tiên được chuyển đến khu vực này, cả *Memphis* và *New Orleans* đều nằm trong tay của Liên bang miền Bắc (Union). Riêng thành phố Vicksburg cùng với cả trăm dặm dòng sông Mississippi ở phần bên dưới thành phố vẫn còn thuộc sự kiểm soát của Liên minh miền Nam (Confederate) (Xem bản đồ số 1).

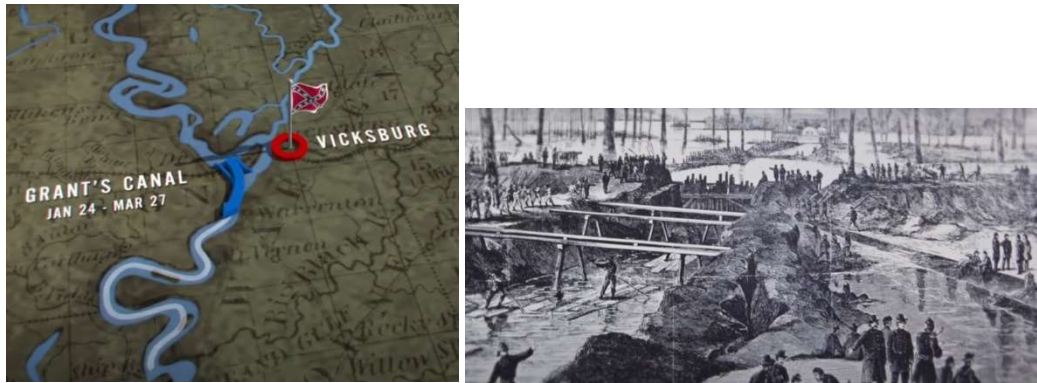
Đối với Liên minh miền Nam (Confederate), Vicksburg là con đường chiến lược huyết mạch duy nhất còn lại để *kết nối* giữa các tiểu bang cùng Liên minh mình ở phía đông sông Mississippi với ba tiểu bang nằm ở phía tây sông Mississippi gồm Arkansas, Louisiana và Texas. Nguồn cung cấp lương thực từ phần đất phía tây sang đông bắt buộc phải qua ngã này. Chừng nào miền Nam còn kiểm soát được Vicksburg thì Liên minh vẫn còn giữ được sự thống nhất với nhau về mặt địa lý. Nếu Vicksburg thất thủ, Liên bang miền Bắc (Union) sẽ kiểm soát toàn bộ dòng sông Mississippi xuống tới tận Vịnh Mexico (Mexico Gulf). Lực lượng miền Nam lúc đó sẽ *bị cắt làm đôi* bởi dòng sông này.

Tổng thống Lincoln, ông từng ví Vicksburg như chiếc chìa khóa, chiến tranh có thể không bao giờ đi đến chấm dứt cho đến khi nào chiếc chìa khóa đó nằm trong túi của chúng ta (tức quân đội miền Bắc). ("*Vicksburg is the key, the war can never be brought to a close until that key is in our pocket.*")

Tuy nhiên, việc chiếm Vicksburg không dễ dàng thực hiện. Miền Nam biết một cách rất rõ ràng tầm quan trọng to lớn của nó, đã cử những chuyên gia tài giỏi nhất của họ đến đây để củng cố thêm cho pháo đài dù đã kiên cố nay càng kiên cố hơn, vững chắc hơn. Pháo hạng nặng, một mặt được đặt trên đồi cao nhắm xuống dòng sông như một chiến lũy để kiểm soát khúc sông trước mặt hay ngăn chặn cuộc tấn công từ đường thủy của đối phương; mặt khác, các vị trí súng được đặt tại những nơi có thể bảo vệ hoàn toàn, bao trùm cả ba mặt còn lại của thành phố, và nó sẽ khiến bất cứ kẻ địch nào muốn tấn công vào thành phố Vicksburg bằng đường bộ đều vấp phải khó khăn nếu không muốn nói là không thể. Khi các kỹ sư hoàn thành công việc của họ, Jefferson Davis, Tổng thống của Liên minh miền Nam (Confederate), đã gọi Vicksburg là "Gibraltar của Mỹ" (*).

Với Grant, trong vòng hai mươi bốn giờ sau khi trở thành vị Tướng tư lệnh chỉ huy toàn bộ mặt trận ở Tiểu bang Tennessee, ông đã đề xuất với Bộ Chiến Tranh một phương án tiến chiếm Vicksburg ở tiểu bang Mississippi. Sau khi được chấp thuận, đầu tiên, ông cử người bạn là Tướng *Sherman* đánh thăm dò từ hướng bắc xuống. Phía bắc Vicksburg là vùng đất đầm lầy, bị cắt ngang bởi một con suối hẹp, chảy quanh co. Để khắc phục những khó khăn do địa thế, công việc chuẩn bị phải xây cầu, làm đường và cải thiện mặt bằng mới có thể tiến quân lên được. Cuộc đánh thăm dò hoàn toàn thất bại và kết luận việc mở cuộc tấn công từ phía bắc là hoàn toàn bất khả thi. Tiếp theo, Grant tự mình thực hiện trận đánh thăm dò từ phía

đông sông Mississippi. Trong tình thế đó, ông đã ở quá sâu trong lãnh thổ của kẻ thù. Quân miền Nam cắt ngang sau lưng, phá hủy đường tiếp tế đến nỗi ông buộc phải rút lui.



Bản đồ số 2 (bên trái)

Động thái tiếp theo là Grant lên kế hoạch xây dựng một *con kênh* cắt ngang băng qua bán đảo phía trước Vicksburg (Xem bản đồ số 2), như thế sẽ tránh được tầm bắn đại pháo của Vicksburg đang kiểm soát khúc sông Mississippi này. Người ta cho rằng đoàn pháo hạm (gunboats) của miền Bắc, mang theo đồ tiếp tế cho Grant, có thể sử dụng con kênh để chuyển về phía nam một cách an toàn. Quân đội của Grant sau đó sẽ theo sau, tấn công Vicksburg từ phía nam. Để thực hiện kế hoạch trên, hàng nghìn người đã được đưa vào làm công việc đào kênh. Kế hoạch này cũng bị thất bại vì sau nhiều tháng làm việc, mực nước sông Mississippi bất ngờ dâng cao và tràn ngập cả khu vực.



Đô đốc Porter, gợi ý cho pháo hạm của ông chạy trên sông Mississippi dưới hòng súng của Vicksburg vào ban đêm. Dự đoán thiệt hại có thể lớn, nhưng tình hình lúc đó đòi hỏi phải có các biện pháp liều lĩnh. Kế hoạch bắt đầu trong đêm 16 tháng 4. Đáng ngạc nhiên là chỉ có hai pháo hạm của miền Bắc bị mất trong thử nghiệm này. Sau khi thoát qua được đại pháo của chiến lũy Vicksburg, Grant liền điều quân của mình ở *bờ phía tây* của sông Mississippi đến một địa điểm độ ba

mười dặm bên dưới Vicksburg. Porter dùng pháo hạm chở quân và đoàn phà quân nhu, lương thực băng qua Mississippi *sang bờ phía đông* của con sông. Và Grant cuối cùng đã ở vị trí *phía nam bên dưới Vicksburg*.

Gần sáu tháng thất bại cay đắng, nhưng tinh thần của Grant vẫn còn rất cao. Ít ra thì bây giờ toàn bộ lực lượng của ông đã ở trên phần đất *cùng một bên bờ sông* với kẻ thù như ông từng mong muốn. Điểm trở ngại duy nhất về vị trí bây giờ là sông Mississippi và Vicksburg, từ giai đoạn này, sẽ cắt đứt gần như hoàn toàn nguồn tiếp tế hậu cần. Nhưng Grant, như thường lệ, tiến bước đều đặn, ngày này qua ngày khác. Kế hoạch của ông là *tấn công pháo đài Vicksburg từ phía sau* (back side), *tấn công thành phố từ cả phía nam lẫn phía đông* (Xem bản đồ số 3).



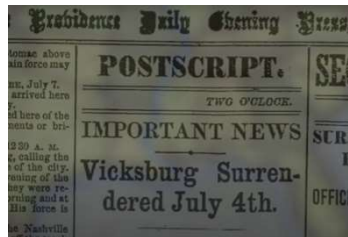
Bản đồ số 3

Trong khi Grant chuẩn bị cho phần chính của chiến dịch. Sherman di chuyển chiếm các thị trấn trong khu vực để đánh lạc hướng đối phương. Đồng thời, các sư đoàn kỵ binh được cử đến phía đông *tiểu bang Tennessee* để tấn công vào những nơi đã bị chia cắt khiến kẻ thù càng thêm bối rối, nhằm lẫn về kế hoạch của Grant.

Đích thân Grant, trong một khoảng thời gian *chỉ mười bảy ngày* hành quân, đoàn quân của ông gồm 43,000 người đã di chuyển 200 dặm (320 cây số) và đánh bại một số quân đông đảo của miền Nam với năm trận đánh nhỏ nằm phía dưới Vicksburg. Ông đã bắt hàng trăm tù binh, phá hủy *thủ phủ Jackson* của Mississippi và dọn sạch hoàn toàn bóng quân địch trong một khu vực rộng lớn chung quanh Vicksburg.

Grant lần đầu tiên thử tấn công trực tiếp vào thành phố. Các pháo hạm (gunboats) của Liên bang miền Bắc cũng tấn công từ phía sông. Nhưng pháo đài miền Nam quá mạnh nên không thể thực hiện được theo kế hoạch này. Grant cho bao vây thành phố, cắt đứt mọi sự tiếp tế lẫn trợ giúp từ bên ngoài. *Cuộc bao vây kéo dài 47 ngày*. Mỗi ngày quân của Grant tiến gần hơn một chút. Những trận mưa

đạn pháo của Grant liên tục nã vào thành phố, giết chết nhiều binh lính trong thành. Nước và thức ăn cạn kiệt. Cuối cùng, những người trong thành phố kể cả thường dân đã không còn thịt ngựa, chó, chuột hay bất cứ thứ gì họ có thể tìm thấy để ăn. Vào ngày 4 tháng 7, thành phố đầu hàng.



Bản thân Grant đã không gửi tin chiến thắng một cách chính thức về cho Washington. Thông điệp đến từ Đô đốc Porter, tướng chỉ huy các pháo hạm, đã điện báo cho bộ chỉ huy Hải quân rằng Vicksburg đã thất thủ. Grant đã giành được một chiến thắng thực sự vĩ đại trong việc phá vỡ phòng tuyến Vicksburg. Ông đã làm được một điều mà nhiều quan chức và sĩ quan quân đội coi là không thể. Khoảng 30,000 binh sĩ của Liên minh miền Nam đã ra khỏi thành phố để trở thành tù binh của Grant. Kho đạn và súng có giá trị lớn lao rơi vào tay Liên bang miền Bắc.

Tin tức chiến thắng tại Vicksburg đến Washington đúng vào ngày 4 tháng 7 năm 1863, chỉ một ngày sau tin chiến thắng quân sự quan trọng khác nữa cũng được báo về từ mặt trận Gettysburg (Trận Gettysburg đã được mô tả trong bài viết về Tiểu bang Pennsylvania của NGH).

Miền Bắc lần đầu tiên kể từ khi bắt đầu cuộc Nội chiến, bây giờ mới có một cái gì đó để ăn mừng.

Một vài dữ kiện trận đánh Vicksburg

- *Địa điểm*

Vicksburg, Mississippi, Warren County

- *Ngày tháng*

May 18-July 4, 1863

- *Tướng lãnh cầm đầu*

Miền Bắc (Union): Maj. Gen. Ulysses S. Grant

Miền Nam (Confederate): Lt. Gen. John C. Pemberton

- *Số quân tham gia:*

Miền Bắc (Union): 75,000

Miền Nam (Confederate): 34,000

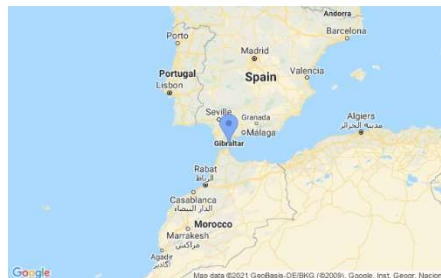
- *Số tử vong:*

Miền Bắc (Union): 4,800

Miền Nam (Confederate): 3,300 with nearly 30,000 captured

Ghi chú:

(*) **Gibraltar** là chiến lũy đặt trên núi đá, nay thuộc Anh. Là phòng tuyến trấn giữ tại eo biển nhỏ kiểm soát tàu bè qua lại từ Bắc Đại Tây Dương vào Địa Trung Hải hay ngược lại. Tôi đã có dịp đi thăm chiến lũy này. Trên đó có nhiều khí.



Vai trò của Gibraltar cũng giống như kênh đào Panama ở Trung Mỹ và kênh đào Suez ở Ai Cập. Tôi có may mắn được đi thăm kênh đào Panama. Mong có dịp viết về nó.

Tài liệu tham khảo:

- Những dữ kiện lịch sử trong bài này được người viết sưu tầm, chọn lọc và dịch hoặc phỏng dịch từ những nguồn sử liệu Hoa Kỳ.

- Hình ảnh lấy từ Internet.

Mời xem và đọc:

[Vicksburg: Animated Battle Map](#) (Video)

<https://www.youtube.com/watch?v=1eSgimZ8GKQ>

[Vicksburg campaign](#) (Sách)

https://history.army.mil/html/books/075/75-8/CMH_Pub_75-8.pdf

BÀI ĐỌC THÊM THỨ 3

BUỔI KÝ KẾT ĐÀU HÀNG Ở APPOMATTOX



Nội chiến kéo dài trong bốn năm, kể từ tháng 4 năm 1861 - khi Pháo đài Sumter ở tiểu bang Nam Carolina (South Carolina) lần đầu tiên bị binh lính *Liên minh miền Nam* (Confederate) tấn công - cho đến năm 1865, khi quân đội của Tướng Lee đầu hàng. “Nội chiến” là một trong những cuộc chiến tranh khốc liệt nhất trong lịch sử Hoa kỳ. Hơn triệu thanh niên Mỹ đã thiệt mạng. Ngoại trừ một số cuộc giao tranh vùng Gettysburg, thuộc Tiểu bang Pennsylvania, tất cả các trận chiến chính đều diễn ra trên lãnh thổ của phe miền Nam. Virginia là trận địa chính, nhưng giao tranh cũng diễn ra tại những nơi thật xa xôi về phía tây như ở Texas và đến tận phía cực nam đất nước như ở Florida. Trong những năm đầu chiến tranh, miền Nam đã giành được hàng loạt thắng lợi quan trọng. Nhưng thời gian trôi qua, sức mạnh vượt trội của miền Bắc bắt đầu được thể hiện. Miền Bắc có nhiều tiền hơn, đông người hơn, các nhà máy có khả năng sản xuất một số lượng lớn đạn dược và vật chất hậu cần dồi dào cần thiết để có thể giành sự chiến thắng trong bất kỳ cuộc chiến tranh nào. Từng bước một, miền Nam bị dồn vào thế phải đầu hàng.

Sự đầu hàng của quân đội miền Nam đã diễn ra tại một thị trấn nhỏ ở Virginia tên Appomattox, khoảng 75 dặm về phía tây Richmond. Cuộc gặp gỡ của hai vị tướng - Tướng Ulysses S. Grant, chỉ huy quân miền Bắc và Tướng Robert E. Lee, chỉ huy quân miền Nam - là một trong những khoảnh khắc ấn tượng nhất trong lịch

sử Hoa Kỳ. Lee là một trong những vị tướng tài giỏi. Ông được mọi người phe miền Nam ngưỡng mộ và yêu thương một cách sâu sắc, thậm chí ngay cả kẻ thù. Ông đã đánh bại một số tướng lĩnh phương Bắc trong nhiều trận chiến ác liệt. Lee thường dùng chiến thuật tấn công đột ngột và rút lui nhanh. Nhưng cuối cùng, Lee và quân đội của ông cũng đã bị cầm chân. Trong nhiều tháng, giao tranh diễn ra liên tục ngày này qua ngày khác. Sự mất mát của cả hai bên được đánh giá là rất lớn. Quân đội của Lee không đủ lương thực và đạn dược. Tất cả các đường cung cấp đã bị cắt. Tướng Grant *đề nghị miền Nam đầu hàng*. Lee với quân đội miền Nam không còn lựa chọn nào khác ngoài sự chấp nhận.

Cuộc họp tại thị trấn Appomattox thảo luận về các điều khoản đầu hàng. Cả hai vị tướng, mỗi vị đại diện cho phía của mình, diễn ra trong phòng khách của một ngôi nông trại được dùng như Nhà tòa án (Courthouse) trong thị trấn. Lee mặc bộ quân phục đẹp nhất của mình, thanh kiếm dành riêng cho tướng lĩnh được đeo bên mình. Lee là một người đàn ông đẹp trai, cao, thuộc dòng họ quý tộc. Cha của ông là "Lighthouse Harry" Lee, một vị tướng nổi tiếng trong cuộc chiến tranh "Cách mạng" (Revolution War) của Hoa Kỳ, và thuộc một trong những gia đình giàu có, quyền quý nhất ở Virginia.

Mặt khác, ngược lại với tướng Lee, tướng Grant là một người giản dị, dáng người rắn chắc và thấp. Ông xuất thân từ một thị trấn nhỏ ở Ohio. Grant hoàn toàn vô danh, không được ai biết đến trước chiến tranh. Khi còn là một thường dân, ông đã thất bại ở hầu hết trong mọi lãnh vực mà ông cố thử. Tuy nhiên, trong lãnh vực quân sự, ông đã từng bước thăng tiến lên tới vị trí tướng lĩnh chỉ huy hàng đầu của quân đội *Liên bang miền Bắc* (Union). Grant đến họp trong bộ đồng phục đã cũ, sờn và bẩn, giày còn dính đầy bùn. Chỉ có những ngôi sao vàng trên cầu vai chứng tỏ ông là một vị tướng. Vài năm sau, khi được hỏi tại sao ông đến dự một cuộc họp quan trọng như thế lại ăn mặc theo cách này. Grant trả lời một cách đơn giản là quá bận để thay.

Lee và Grant ngồi ở hai bàn riêng biệt, cách nhau khoảng sáu "feet" (khoảng 2 mét). Các sĩ quan của cả hai bên đứng ngay sau cấp chỉ huy của mình. Các điều khoản mà Grant đưa ra, giống như phong cách của ông là rất *đơn giản và trực tiếp*, được viết trên một tờ giấy. Điều khoản gồm tất cả các sĩ quan và binh lính trong quân đội của miền Nam đều phải hứa sẽ không chống lại miền Bắc một lần nữa. Mọi thứ có giá trị quân sự đều phải chuyển giao cho quân đội miền Bắc. Grant

đồng ý để những người lính miền Nam được phép trở về nhà và có quyền mang theo bất kỳ con ngựa nào thuộc quyền sở hữu của họ vì chúng sẽ được dùng trong vụ gieo trồng vào mùa xuân sắp đến.

Lee đọc các điều khoản một cách chậm rãi, cẩn thận. Ông đã cố gắng hết sức để che giấu sự cảm xúc của mình. Đội quân dưới sự chỉ huy của ông đã chiến đấu lâu dài và dũng cảm. Tuy nhiên, tiếp tục chiến đấu là điều không thể. Miền Nam đã bị phá hủy. Tất cả đã bị mất. Lee ký tên trong sự buồn thảm, chấp nhận các điều khoản của tướng Grant đưa ra. Từ giờ phút này, việc giết chóc, tàn phá đã kết thúc.

Và chiến tranh cũng đã kết thúc!

Vài sự kiện ký kết đầu hàng tại Appomattox

-Địa điểm: Appomattox Courthouse, Virginia

-Ngày tháng: April 9, 1865

-Tướng lãnh: -Phe miền Bắc (Union): Ulysses S. Grant |

-Phe miền Nam (Confederate): Robert E. Lee

-Phe chiến thắng: Miền Bắc